NĂM THỨ TƯ — Số 158 Thứ năm 3 Août 1944

TRI TÂN

TÒA BÁO: 95-97 CHANCEAULME-HANOI

Mục lục

* Tiểu thuyết Ngô-vương Quyền — *Ưng-hòe*
* Đại nam dật sự (XXXVIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Ca dao mới — *Lăng-ngâm-Tử*
* Đọc sử phải chăng cốt để phô-trương — *Tam-Gia*
* Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXI) — *Ưng-hòe*
* Đọc sách — *Tiên-Đàm*
* Kính đáp ông Lê Văn trong báo « Quốc-gia » — *Long-Điền*
* Ba người thợ cần mẫn (III) — *Lê-Thanh*
* Nhân ngày hội nghị giáo khoa toàn quốc .. — *Khái-Sinh*
* Một đoạn lịch sử ngoại giao... (II) — *Hoa-Bằng*
* Những ông nghè triều Lê (LXXXIX) — *Nguyễn-văn-Tố*
* An-Tư, tiểu thuyết (VI) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

0$50

TIỂU THUYẾT NGÔ VƯƠNG QUYỀN

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Quốc-âm tạp chí, số 39 ra ngày tháng 6 vừa rồi, đăng quyển *Ngô vương Quyền* của ông Trần-thanh-Mại xuất-bản là nhà Tân-Việt in được 282 trang, khổ giấy 12×19.

Quyển này không phải quyển sử, tác-giả gọi « Đây là lịch-sử bị tiểu-thuyết hóa ít nhiều » Vẫn biết rằng dựa theo sử mà thêm thắt ít nhiều cho thành chuyện, để cho người đọc người nghe được vui, mà nhớ đến bậc anh-hùng đời xưa là một việc hay, nên làm. Nhưng mà tựa giả nhiều quá, làm sai đến sự thực ở trong sử, thì không nên nhất là làm mất phẩm giá người anh hùng, lại càng không nên lắm. Như trang 70 có câu : « Ngô Quyền để cái vút lưỡi xuống một ghế án, sụp xuống lạy Liễu nhi .. » Liễu nhi là một cô không có thực, tác-giả bịa ra là vợ lẽ Lý-bá-Chính, tức là vợ lẽ một kẻ thù của Ngô Quyền, thế mà lại « sụp xuống lạy », thì không phải là ức-chế người anh-hùng, vì người anh hùng làm việc gì càng quang-minh chính đại. Dẫu lúc bấy giờ Ngô Quyền chưa khởi binh, tức là người anh hùng chưa xuất-đầu lộ-diện, cũng không khi nào có cái cử-chỉ như thế.

Tôi nói qua như vậy chắc độc-giả cũng hiểu. Có lẽ tác giả sẽ cãi lại rằng : « Thế thì thế nào những đức tính gì gán cho người anh hùng? Ức chế thế nào mới gọi là anh-hùng ? » Về việc ấy đã nhiều sách và báo bày bàn đến đại-ý nói người đứng đầu phải có gan làm việc lớn, có tinh dạm bạc (không rượu chè ít tính dục), sức khỏe mạnh, lời nói cẩn-thận, thể-thể, khiêm-tốn, tư-chất thông-minh, chí-khí kiên-nhẫn .. Nhưng xem những bậc anh-hùng hay những vị đại tướng xưa nay không phải ai cũng có đủ từng ấy đức-tính. Một nhà văn hào nước Pháp tên là Georges Duhamel, trong quyển *Les fables de mon jardin* có đặt ra một câu chuyện ngụ ngôn để phác họa đức tính người đứng đầu như sau này :

« Một cái ô-tô đi vào làng lái xuống hố, người chủ xe cố cho lên không được, gọi chủ gara đến dẫn, đem đủ các đồ-lề làm cho xe lên, cũng không được. Có một ông quan Nam, đã đặt đường sắt ở Phi-châu, hỏi xem xe nặng bao nhiêu, ông biết cách làm như thế nào, nhưng bảo không ai nghe. Mọi người đứng lại, mỗi người nói một ý, đã mất nhiều thì giờ. Bỗng có một người trẻ tuổi đi xe đạp đến. Anh ta là người nhà quê, mới độ hai mươi tuổi, khỏe mạnh mặt đỏ, thở hồn-hển. Tay lái xe đạp một cách dẽo-dang ! Trông có ý không bằng lòng. Đứng im nhìn cái xe bị nạn một lúc cùng cả bọn người đứng chơi ra đấy. Thình-lình không chịu được, anh ta vứt xe đạp vào hàng rào, rồi giơ tay, xông vào đám đông người. Anh ta không cao lắm, nhưng trông ra dáng lớn. Sắc mặt vừa tức giận, vừa ngạc-nhiên, vừa thương hại. Anh ta nói to bằng một giọng thô thô nhưng cảm động : « Thế nào ! Thế nào ! Không có lẽ chịu để ý ra đây ư ! Một cái xe mười người đẩy, thì có vào đâu ! Nào ! Nâm cả đằng sau cho mạnh rồi vượt lên đường cái ! Xong chỉ việc kéo đi ! » Bọn thợ nhà ngẩng đầu lên, chấn động cả người Lũ người đứng xem đều nhìn anh, chàng mặt đỏ, nhưng nhìn có ý rụt-rè. Ông quan nâm thì gật đầu. Chàng ta bảo to lên rằng : « Nào ! Nào ! Mười người ra đẩy đằng sau, quyết là đủ ». Tiếng nói oai mà bình nhi giận dữ. Mọi người còn trù-trừ thì anh ta phát cáu lam cho không ai còn dùng-dằng gì nữa, ai cũng phải theo, không ai nói gì hết : Tức khắc anh ta sai bảo, mỗi người một chỗ, sắp đặt công việc, rồi hô lên rằng : « Một, hai, ba ! Nào ! Cùng bắt tay vào ! Được rồi ! Thế là xong » Cái xe phải chịu, không cựa là được nữa, cứ để yên cho người ta đẩy lên, ví như con ngựa thấy chân chỉ sắp thúc cựa gà vào sườn thì chạy ngay Có mười giây đồng hồ mà xe đã lên trên đường. Mọi người xúm lại, kinh-ngạc về phép mầu của người trẻ tuổi. Khó nhọc không mấy, thế mà xong cả. Ông quan nâm tủm tỉm cười, nghĩ thầm rằng cái trí sáng nay đã có mầm sai và có tay làm. Bấy giờ người trẻ tuổi quay ra lấy xe đạp, thì một người trong bọn đứng đấy nói rằng : « Ai lại là biết chau như thế ! Ta cùng đi uống cốc rượu đã ». Người trẻ tuổi trả lời : « Không có thì giờ ». Thế là đã lên xe, tay cất mũ chào, miệng cười, chân đạp, đi xa, đi ra đằng kia để cứu tuổi-gió, phá đi mau. Thiên-hạ ta đều

Xem bài ngụ-ngôn ấy thì biết người đứng đầu không phải đủ cả những đức-tính như trên vừa kể, phần nhiều chỉ cần biết người, cần có sức phán-đoán, có lòng cương-quyết. Giá ông Trần thanh Mại đem những đức-tính ấy, đặt ra một chuyện, như chuyện vừa dịch trên, thì độc-giả sẽ hiểu cái đức-nghiệp của Ngô-Quyền.

Ở đây ông lại chép Ngô-Quyền « sụp xuống lạy Liễu-nhi », thật làm mất cả phẩm-giá người anh-hùng !

Những chỗ ông dựa theo sử cũng nhầm. Như trang 37, ông nói « Quan Thái-Thú Lý-khắc-Chính... » Các quyển sử chữ nho đều chép : khi Nam-Hán đã bắt Khúc-thừa-Mỹ, cho Lý-Tiến làm thứ-sử châu Giao, thì Lý-khắc-Chính ở lại giữ châu (chữ nho là lưu thủ châu) : « lưu thủ » chính nghĩa đen là ở giữ, tức là khi vua đi tuần-thú, có cắt chức đại-thần thay giữ kinh-thành. Nguyên *Hậu Hán thư* chép khi Hòa-đế đi tuần-thú, cho chức thái-úy là Trương-Võ làm vệ-úy lưu-thủ. Đời Đường về sau cũng là chức quan : Đường Thái-tông đi đánh Cao-li, đặt kinh-thành lưu-thủ. Đời Tống cho những hoàng-thân, đại-thần làm lưu-thủ. Cứ như thế, chức lưu-thủ to lắm, không dùng lẫn với thái-thú được, vì thái-thú còn dưới quyền thứ-sử. Chỗ này là Hán-chúa cho Lý-khắc Chính thay mình ở lại giữ châu Giao, ít ra cũng ngang chức thứ-sử, chứ không phải thái-thú.

Lại như trang 38, ông Mại nói : « Trướng bằng gấm thêu cả một bài văn rút trong Hậu Hán thư, tức là bài tuyên-ngôn của Mã Phục Ba với quân sĩ khi chiếm xong quận Giao-chỉ, trong ấy Mã-Viện nhắc câu mình trả lời cho em ruột là Thiếu-Du khuyên nên an nhàn thủ phận ở xó nhà » Câu ấy không dùng *Hậu Hán thư* (q. 24, truyện Mã-Viện, tờ 2 b) chép rằng khi Mã viện đánh được Giao-chỉ, « giết trâu uống rượu, khao thưởng quân-sĩ, thong thả bảo các quan thuộc-hạ rằng : « Em họ ta (tụng đệ) là Thiếu-Du thường thương ta là người khẳng khái có nhiều chí lớn, nói rằng : « Người học-trò sống ở trên đời, chỉ cốt ăn mặc no đủ, lên xe xuống ngựa, làm chức duyện sử ở một quận, để giữ mồ-mả, trong hương-đảng khen là thiện-nhân thế là được rồi. Nếu muốn cầu cho thừa-thắng thì chỉ khổ thêm ». Dương khi ta ở trong huyện Tây-lỵ, hồ Lãng bạc, giặc chưa dẹp yên, dưới thì bùn lầy, trên thì xương mù, khí độc dùn lên từng lớp, ngừa trông con diều bay xa xuống giữa hồ Nam nghĩ lời Thiếu-Du khi bình-sinh muốn thở không được nữa ... ».

Thế là lời Thiếu-Du, em họ Mã-Viện, khuyên Mã-Viện ngày xưa, đến bây giờ Mã-Viện nhắc lại, chứ không phải câu Mã-Viện « trả lời cho em ruột ».

Đấy là nói qua mấy chỗ nho-nhỏ ở 40 trang trên : Còn sự-tích Ngô-Quyền, tôi đã theo sách nho, đăng vào mục *Đại-nam dật sự*. Nay nhân có quyển tiểu-thuyết của ông Mại, tôi dịch nốt một đoạn ở *Việt-kiều-thư* (q. 4, tờ 19 a-b) là một bộ sử ta mà người Tầu chép ra như sau này :

« Năm thứ 2 hiệu Thiên-phúc (937) nhà Tấn tướng Giao-Châu là Hiệu-công-Tiễn (sử ta chép là Kiều-công-Tiễn) giết An-nam tiết-độ-sứ là Dương-đình-Nghệ, mà thay chức. Đến năm sau (938) cố-tướng của Dương-đình-Nghệ là Ngô Quyền khởi binh từ châu Ái, để đánh Hiệu-công-Tiễn ở Giao châu. Tiễn sai người đem của sang cầu với Nam-Hán. Hán chúa là Lưu-Nham sai con là Vạn Vương Hoằng-Tháo (đổi phong là Giao-vương) đem quân sang cứu. Còn Hán chúa thì tự làm tướng đóng đồn ở cửa bể để làm thanh-viện. Nhân hỏi mưu kế ở sùng-văn-sứ là Tiêu-Ích, Tiêu Ích thưa rằng : « Nay mưa dầm đã lâu, đường bể hiểm xa. Ngô Quyền là người kiệt-hiệt, chớ nên khinh thường. Đại quân nên chỉ-trọng, dùng nhiều quân hướng đạo rồi bằng tiến quân » Lưu-Nham không nghe, sai Hoằng-Tháo đem chiến-thuyền từ sông Bạch-đằng vào châu Giao, thì bấy giờ Ngô-Quyền đã giết Công-Tiễn, giữ châu Giao, đem quân đón đánh Hoằng Tháo. Trước khi đánh, sai người ra cửa bể giồng cọc lớn, đầu bịt sắt, lại sai người đem thuyền nhẹ theo nước triều kiêu chiến, rồi giả cách thua, giây phút nước triều xuống, thuyền Nam-Hán vướng cọc sắt không về được, thành ra quân Hán thua to, sĩ tốt chết đuối quá nửa, Hoằng Tháo chết. Hán chúa thương xót, rồi thu nhặt tàn-quân đem về... Đến năm thứ nhất hiệu Hiển-đức (954) Tĩnh-hải tiết-độ-sứ là Ngô Quyền mất (chính mất từ năm 944). Nguyên từ khi Hoằng-Tháo bị thua chết, Hán chúa không sang đánh Ngô Quyền nữa. Ngô Quyền vì thế giữ châu Giao được lâu. Khi Quyền mất, con là Xương-Ngập nối. Xương-Ngập chết, em là Xương-Văn nối (năm 954 là năm thứ 17 của Xương-Văn) sai sứ sang Nam-Hán. Hán-chúa là Lưu-Thành cho Xương-Văn là Tĩnh-hải tiết-độ-sứ, kiêm An-nam đô hộ. Sau Xương mất, tham mưu là Lã sử Bình (sử ta chép là Ngô sử Bình), Phong-châu thứ-sử là Kiều-tri-Hộ (sử ta chép là Tri Hưng), Vũ-ninh châu thứ sử là Dương Huy, nha tướng là Đỗ cảnh Thạc tranh nhau làm vua : 12 châu trong quận, (tức trong nước) nổi loạn... »

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 37

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XXIX — Mười hai sứ-quân

« Năm Bính-dần (966) Nam-Tấn vương mất, tham mưu là Ngô-xử-Bình (có chỗ chép Ngô-ứng-Bình), thứ-sử châu Phong là Kiều-tri Hựu, thứ sử châu Vũ-ninh là Dương-Huy và nha-tướng là Đỗ-cảnh-Thạc, tranh nhau làm vua, trong nước loạn to, chỗ nào cũng có, đều chiếm cứ huyện ấp, định thôn-tính nhau. Ngô-xương-Xí xưng Ngô sứ Quân giữ Bình kiều (không rõ nay ở đâu). Kiều-công-Hãn xưng Kiều-tam-Cố giữ châu-Phong (nay huyện Bạch-hạc), Nguyễn-Khoan xưng Nguyễn-Thái-Bình giữ núi Nguyễn-gia-loan ở châu Tam-đái (nay phủ Vĩnh-tường), Ngô nhật Khánh xưng Ngô-Lãm-công giữ Đường-lâm (tên làng, nay thuộc Sơn-tây), có chỗ chép Ngô nhật-Khánh giữ Giao-thủy, Đỗ-cảnh Thạc xưng Đỗ Cảnh-công giữ Đỗ động giang (nay làng Bắc-đà huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên, hãy còn nền cũ thành Sứ-quân; còn như cho người cho Nhuệ-giang có tên Đỗ-động-giang là nhầm), Lý Khuê xưng Lý-Lãng-công giữ Siêu loại (nay thuộc phủ thuận-thành), Nguyễn thủ-Tiệp xưng Nguyễn Lệnh-công giữ Tiên-du (nay thuộc phủ Từ-sơn), Lã-Đường xưng Lã-Tá công giữ Tế-giang (nay là huyện Văn-giang), Nguyễn-Siêu xưng Nguyễn Hữu-công giữ Tây phù liệt (tên đất tức là làng Tây-phù liệt, thuộc Thanh-trì), Kiều Thuận xưng Kiều Lệnh-công giữ Hồi-hồ (xã Trần-xá huyện Hoa-khê có thành cũ Sứ-quân; Trần-xá tức Trương-xá, Hoa-khê tức huyện Cẩm-khê thuộc Sơn tây), Phạm-bạch-Hổ xưng Phạm-Phòng ất giữ Đằng-châu (nay huyện Kim-động, có đền Phạm Sứ-quân), Trần-Lãm xưng Trần-Minh-công giữ Bố-chính bãi-khẩu (nay xã Kỳ bố, huyện Vũ-tiên, phủ Kiến-xương) Tất cả gọi là mười hai Sứ quân » (dịch theo *Đại việt sử ký, tiền biên*, q. 7, tờ 13 a và b)

Khâm-định Việt-sử, tiền biên (q. 5, tờ 28 a đến 29 a) có mục « cần-án » chép rằng: « Cựu sử chép « Ngô Sứ-quân, 2 năm » để kế tiếp Nam-Tấn-vương (Xương-Văn), vì cựu sử cho Sứ quân Ngô-xương-Xí là con Ngô-xương-Ngập Nay xét ra: Khi Nam-Tấn-vương đã mất, Xương-Xí mới chiếm-cứ Bình-kiều, thế rất hèn yếu, so với các sứ-quân kia không khác gì, nên đều chép ngang nhau Lại xét cựu-sử chép « Nam-Tấn vương mất, mười hai Sứ quân đều tranh nhau nổi dậy, bắt đầu từ Ngô-xương-Xí, cuối cùng Trần-Minh-công », ở dưới chép « Đinh-bộ-Lĩnh xưng vạn thắng vương, rồi lại kể Đinh-bộ-Lĩnh theo Trần Minh-công, Minh-công mất, giao Bộ Lĩnh coi quân ấy » Xét ra nam thứ nhất của Xương-Văn, đã chép chuyện « Bộ-Lĩnh giữ Hoa-lư, hai vua Ngô (Thiên-Sách và Nam-Tấn) đem quân đến đánh không được. » Vậy thì Trần-Minh-công khởi binh đương vào lúc Xương-Văn chưa phục-quốc. Cứ suy thế, thời mười hai sứ-quân đều chiếm cứ huyện ấp, nên có kẻ trước người sau không giống nhau, chớ không phải đến khi Nam-Tấn mất, rồi cùng nổi dậy một lúc, nhưng cựu-sử chép mất năm tháng chỉ kể tóm 12 sứ-quân, này không chỗ nào chép rõ, biên ra để đợi xét »

Gần đây có nhà làm sử chữ nho bình phẩm về mười hai sứ-quân như sau này: « Xem cuộc đời mười hai sứ quân tranh nhau, thì biết nghĩa hợp-quần là khó, nhưng cũng biết cái trí-não dân-tộc ta về hồi ấy đã đến trình độ tiến-hóa Lúc ấy hai vua Ngô tuy mất, Xương-Xí là đông-đối thiên-hoàng, cũng như Đông-chu-quân nhà Chu, Hoài dương-vương nhà Hán, nếu các thổ-hào, cùng nhau phục tòng, hợp hơn mười bọn nhỏ làm một bọn lớn, tôn Ngô-Xương-Xí làm thiên-hạ cộng-chủ, để nối dòng họ Ngô, mà các bộ sứ-quân thời tự-trị lấy trong bộ mình, khi quốc-gia vô sự, thời áo-xiêm ngọc-bạch như Tần Tấn hiên hoàn, khi Quốc-gia nữu-sự, thời môi hở răng lạnh, giữ gìn nhau như ngu, Quắc kết nghĩa, thế thì hợp-chúng-quốc ở Bắc mĩ-lợi-kiên và hai mươi năm liên-bang ở Nhật-nhĩ-man, há chẳng xuất hiện vào nước ta về thế-kỷ thứ 12 rồi ư ?

Lại không làm thế, sớm chuông trống, tối giáo mác, mạnh ăn thịt yếu, rút cục bị tiêu-ma cả ở dưới ngọn cờ bông lau, há chẳng phải lại cái tội « quần học bất minh » (không rõ nghĩa hợp quần) ? Nhưng mà còn có chỗ đáng khen, vì trước hồi ấy, mỗi khi gặp một phen biến loạn, thì người nước phần nhiều dựa thế-lực người

Tàu, như Đỗ - hoàng-Văn, đương khi có bệnh mà gắng đi xe để sang nhà Tống, Mã thúc-Hiến đi tắt đường để trẩu nhà Tề, đều là mượn thế lực người ngoại để bắt nạt đồng loại, thật đáng khinh bỉ! Lúc bấy giờ các sứ-quân mỗi người xưng hùng xưng bá một phương, có Nam-Hán là một nhà khôn - ngoan muốn mở rộng rõ đất, ở ngay kề nách thế mà hưa lề nghe có một người nào phải nhờ thế-lực người ngoài để hại đồng - loại, vì rằng cái trình-độ dân-trí của ta bấy giờ, so với trước đã hơi cao, cho nên tuy có cái lòng « cá lớn nuốt cá con » « giống mạnh ăn thịt giống yếu » mà ai cũng biết « tằm tằn cần ga nhà » « rước voi về giầy mồ » là không hay. Về sau Đinh Tiên-hoàng vốn xưng vạn thắng, thì thế-lực không thể chống nổi, nhưng vẫn là người Nam làm vua nước Nam, hưởng 12 sứ-quân có linh-thiêng, cũng nên ngậm cười ở nơi chín suối » (*Đại-Việt sử-ký cải - lương*, A 1146, q 1, tờ 65 a đến 66 b).

Ông Ngô giáp Đậu bàn rằng : « Đương khi 12 sứ-quân nổi lên, thế gọi là « giang sơn nào, anh hùng ấy », rất cạnh - tranh, rồi cũng rất hình-đẳng, hình như tù trưởng các bộ-lạc hồi xưa, người nào cũng có quyền riêng, nếu biết dẫn lòng, cùng nhau thôi quân một lúc, lập quốc hội ở Long-biên định chương-định thuế nhà, dựng nhà học để dạy con em, làm sổ lính để giữ bờ cõi, đổi cái lối đày tới người Tàu, làm chính-sách cộng hòa, như thế thì dân quyền đã được tỉnh ở bên Á đông La không làm thế, mỗi người cầm quân một chỗ, cắt đất mỗi nơi, nuôi con cỏ con trai găng nhau mãi rất cực. Đinh bộ Lĩnh là ông lão đánh cướp được hưởng, đi nước Việt nam hơn bốn nghìn tám trăm năm nay thực không muốn có cái thời kỳ 12 sứ-quân như thế » (*Trung - học Việt - sử loát - yếu* quyển hạ, tờ 5 b).

Ta có câu ca - dao về thời 12 sứ quân như sau này : « Của đời muôn sự của chung, tranh nhau một tiếng anh hùng mà thôi ». Ý nói thiên-hạ là công-cộng của thiên-hạ, không phải riêng của ai, nhà nào có phúc thì được hưởng ; trong 12 sứ-quân ai cũng lăm-le làm chủ thiên hạ, nếu không được thì cũng tranh lấy cái tiếng anh hùng ; cho nên dân ta đặt câu ấy để tự sự. Thực ra làm

(Xem tiếp trang 17)

Ca dao mới

I

Có chồng em phải theo chồng,
Trăm năm thề chẳng đổi bông với ai
Giang san gánh nặng đôi vai,
Ba lo, bảy lụ hôm mai cùng chồng.

II

Nắng to nước đã cạn rồi!
Đem gầu mà tát kẻo thời ruộng khô!
Bờ bờ đừng quản công phu
Tấc vàng, tấc đất, giời cho của mình.

III

Bốn phương thao-thức canh gà.
Dậy đi, đi chợ kẻo mà chợ trưa!
Bao nhiêu kẻ bán, người mua,
Chậm chân, khôn nhẽ ganh đua bằng người

IV

Cọn tôm nó bảo con cò :
« Ngày nào mày cũng đi mò chúng tao
Mỏ mày nhọn, cẳng mày cao.
Giời mà nổi bão, phương nào mày bay ? »

V

Cào cào áo đỏ áo xanh
Một hai bộ cánh phong phanh bề ngoài.
Nhảy bay chưa chắc đã tài,
Loẹt lòe chi lắm cái đời nhố nhăng!

VI

Gạch kia lẻ thể từng viên,
Hàng vạn, hàng nghìn đập vỡ như chơi
Nếu xây muôn dặm thành dài,
Đã liền lạc lại khó người đập ra.

LẰNG-NGÂM TỬ

ĐỌC SỬ PHẢI CHĂNG CỐT ĐỂ PHÔ-TRƯƠNG ?

TAM-GIA

SỬ-HỌC ngày nay đã có một địa-vị bản-bổi trong văn-chương Việt-nam. Nghĩ lại cái thoảng dài đằng-đặc từ thủa ông Trần trọng Kim cho ra bộ *Việt-nam sử-lược* đến bây giờ, người thức giả không ngăn nổi một mối nguyện chính-đáng. Số người viết sử đã tăng và trong các tủ hàng, người ta hơi lạ rằng số sách nói đến dĩ vãng ! danh-nhân truyện-ký, dịch sử hồ, phê-bình nhân-vật xưa, giai thoại lịch-sử, không chịu thua số tiểu-thuyết, là bao Phong-trào đã đến chỗ thịnh. Cùng với số người viết, số độc giả cũng lên, thậm chí có những tờ báo hằng ngày cũng dành riêng mấy cột để đăng chuyện danh-nhân, mà mấy cột bấy giờ, nhằm lúc điện-tích tờ báo bị hạn-chế, là một chứng triệu rằng người đọc tờ báo, đòi lỏ bài về sử như thathiết với một bài tường-thuật thể-thao hay một mảnh đời tài-tử màn bạc.

Người ta yêu sử nhưng lại yêu quá. Bởi thế cho nên bây giờ đã nẩy ra một bạng người chưa thể lấy ngay một danh-từ mà chỉ được. Bọn này đọc quốc-sử, đọc say, đọc mê. Bất kỳ nơi nào, bất kỳ lúc nào, họ có thể đợi cho nghe tên mười lăm bố mước, Văn-lang ; họ có thể mách đến nào còn thờ Dạ-trạch vương ; họ vạnh vách đọc nơi chiến giữ của từng sở quân ; họ có thể tả lại cuộc khởi-nghĩa đánh Minh, như họ là một dân-quân của Bình định vương, vân vân. Dành rằng mình là người Việt-nam, có bổn-phận phải biết và thuộc quốc-sử ; và có biết, có thuộc cũng chỉ là sửa lại sự lãnh-đạm năm xưa. Nhưng họ biết để mà kiêu.

Đâu đâu họ cũng cho mình bị đô hộ thật, nhưng cũng đã nhiều phen khiến Trung-hoa hoảng hồn. Ông Phùng-Hưng chỉ nổi lên mang quân nhằm La-thành mà đô hộ Cao chính-Bình lo sợ mang bệnh mà chết. Nước Trung hoa của nhà Tống, mặc dầu cái tài kinh tế của Vương an-Thạch, cũng phải nhượng bước nhà Lý : không những Lý thường Kiệt nêu danh-nghĩa cứu với dân Trung-hoa khỏi cảnh lầm-thán của Tống-triều lại còn thích vào trán người châu Khâm, châu Liêm, châu Ung đem trả cho Tàu những chữ để ghi muôn đời cái nhục chiến-bại : Thiên-tử binh, Đầu Nam-triều, Quan Khách. Cái nhục ấy, hai trăm năm sau, lại trở lại trên sông Bạch đằng để diệt hẳn tham-vọng của Nguyễn-bình. Cho nên, tuy :

« *Đằng-trụ-chi kim đài thương lục* »

ta vẫn không có gì tiếc, vì ta đã không diệt mà :

« *Đằng-giang tự cổ huyết do hồng.* »

Về sau, ngôi nhà Trần đổ, ta bị đô-hộ mười năm, nhưng cuộc khởi-nghĩa của Lê Lợi lại là một cơ-hội để ta biểu-diễn cái tinh-thần chiến đấu của dân tộc, và còn gì phấn-khởi lòng người hơn là nghĩ đến cái cảnh Mã-kỳ, Phương-Chính « *ra đến bể chưa thôi trông ngược* », Vương Thông Mã Ánh « *về đến Tàu còn đồ bồ-hôi* ». Nước ta đã quyết lấy xương máu vạch lấy bờ cõi ; nên từ đây không còn lần nào chịu ách của người Tàu nữa.

Buổi Lê-Mạt, nhà Thanh có ý lợi-dụng cái tình-thế « nước đục » của ta ; nhưng con phượng-hoàng Tây-sơn, sau một mạch bay thẳng từ Nam ra Bắc-hà, đã gieo sự rối-loạn trong quân-ngũ Tôn sĩ Nghị đến nỗi sông Hồng-hà không cuốn nổi thây quân Thanh, mà từ cửa ải về mé bắc mấy trăm dặm vắng ngắt tiếng người. Thế mới hay : « *Nam quốc sơn-hà Nam đế cư* »

Ta đã có những chiến-công rực-rỡ để làm mờ cái hận nghìn năm nội-thuộc. Ta lại còn tiến xuống Nam bóp chẹt nước Chiêm thành, bảo hộ nước Chân-lạp.

Kể về người tài, ta cũng có một danh-sách không phải là vừa : nào Mạc-Đĩnh-Chi, nào Nguyễn cộng-Trứ, nào Nguyễn-Trãi, nào Nguyễn-bỉnh-Khiêm, nào Lê-quý-Đôn...

Nho giáo tuy bó buộc trong cái vòng chật hẹp của cử-nghiệp và huấn-hỗ nhưng quốc-sử cũng đã ghi được tên những danh-nho, khí-tiết mãi mãi còn để đời sùng bái : Chu-văn-An, La-sơn phu-tử...

Tóm lại, quốc-sử đủ tài-liệu cho ho kiêu. Nên được ốc-họ qua các câu chuyện của họ, nước nhà là một cường-quốc, dân mình

là một dân-tộc cao đẳng. Ai gọi thực-tại chăng, họ bảo ấy mệnh giời. Thật là một quan-niệm đầy nguy-hiểm cho cá-nhân, cho đoàn-thể, và đấy mới là nỗi nguy-hiểm làm cho ta run sợ.

Ta không bảo chi đến cái hại về phương-diện học: luyện lấy cái tính thấy sao tin đó, để nhụt cả óc phê bình. Ta chỉ cần nói rằng đọc sử mà chỉ có một dụng ý là ca-tụng vô độ những trang hiển-hách của thời xưa, thì tránh sao khỏi lầm về cái chân-giá-trị của dân-tộc. Lấy những Trần Ích-Tắc, những Mạc đăng-Dung, những Hồ Quí-Ly để bảo người Việt-nam toàn một phường bẻ nhất phản bội thì gì sai bằng. Nhưng lại bảo bản-quốc chỉ có những anh-hùng, hào-kiệt như Lý-thường Kiệt, như Trần-Hưng Đạo, như Nguyễn Trãi, như Lê Lợi như Quang trung thì cũng không gì vô-lý hơn. Cuốn sử Việt-nam có ghi tên những người tài, những nơi thắng, nhưng cũng không bỏ sót tên những người dở, những nơi thua; vậy người đọc có bổn-phận phải đọc kỹ tất cả, ngõ hầu thâm hiểu bài học của người và việc, là một bài học nhẫn-nại vết bằng huyết lệ. Có lĩnh-hội được cái ý-nghĩa của sử mới mong quan-sát một cách thấu triệt việc bây giờ để chắc-chắn hy-vọng ở mai sau. Vả chăng, ta cứ táo bạo khẳng-định rằng cuốn quốc-sử không có một trang nào tỷ-ố, mà tiền-nhân toàn lưu-lại những huân-công, liệu ta ngày nay có nên nhắc lại để huynh-hoang không? Chỉ một phút đối-chiếu đi-vãng với hiện-tại, chỉ phoảng suy-nghĩ, người có hiếm-sĩ, cho có sùng-phụng người xưa mấy nữa, cũng tự bắt mình cúi đầu xuống.

Tới đây, tôi nghĩ đến những bóng ám thất-thế. Tôi đã biết có một ông không ngớt mồm khoe của mình ngày xưa làm bang-bốc, ông mình từng đã đi khâm sai, cụ mình đã nổi tiếng trong khi đi sứ bên Tàu. Ông ta tỏn-rẹn còn một cái danh «ăm-tử» làm gạch nối với những thế-hệ rực rỡ thời xưa; ngoài ra chiếc áo the tàng ảng, bộ mặt hốc-hác lại kéo ông vệ thực-tại chua chát. Đáng lẽ phải-dàn để nói vết tổ khảo, ông ta đã bẻ nhất đem cái khổ bây giờ vùi vào chút danh phận héo. Người đọc sử chỉ cốt phô trương cái lộng lẫy đã tàn của tổ-quốc tất cũng cùng chung cái nhục trốn việc trước mắt mà lại còn có tội mang một quan-niệm sai lạc về mình.

Giữa lúc địa-cầu đang qua cơn khủng-hoảng đẫm máu, có thế-giới đang tiêu-hủy, có thế-giới đang kiến-thiết; ta chỉ cần mở mắt cố nhìn qua biên-giới. Tự-nhiên, nếu không thấy được hết, ít ra ta cũng biết qua-loa những điều kiện để làm một dân-tộc mạnh-mẽ có chỗ đứng dưới mặt trời; ta sẽ nghĩ lại các đặc-điểm hoặc ưu hoặc lỗi, cùng những nỗ-lực của tiền-nhân, đoạn đem so sánh với đặc-điểm của người. Bấy giờ, họa chăng ta mới có thể đánh giá ta mà tiên đoán địa-vị của ta sau này, vì đã có một quan niệm xác-đáng về dân-tộc. Bấy giờ, con đường tương lai đã vạch rõ, ta có thể quả-quyết mà bước vào, mang gan dạ chấp hết thảy gian-nan trước mắt. Bấy giờ, ta mới khỏi tiếng làm con đà-điểu thấy hiểm nghèo rúc mình xuống cát hay làm ông ấm nọ lấy oai-phong chết để che-đậy tính sợ sống.

Tóm lại, trong địa-hạt sử, tích-cực là luật sống; lấy ánh sáng hôm nay soi việc hôm qua để tìm một con đường bành-chỉ, sao cho kịp người trên đường tiến hóa, chứ không nên chỉ chuyện lim dim lối tưởng lại thời xưa. Một người thâm-thúy giải nghĩa Tổ quốc là «những nấm mồ nấm im lìm và những chiếc võng lắc-lư» (... l'immobilité des tombes et le balancement des berceaux); tôi mong rằng người đọc sử cũng quan đấy mà cho hai chữ «đọc-sử» một định-nghĩa mới và đúng: đọc sử là cảm thông với người xưa trong cái nhiệm vụ thiêng liêng sắp sửa lớp người sau.

TAM GIA

ĐÃ CÓ BÁN

Khảo cứu về

TIẾNG VIỆT-NAM	của Trà Ngân	Giá : 2$50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI	Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà	— 3, 00
KIM - TỰ - THÁP	của Phan Quang-Định	— 2, 00
NỬA ĐEM	Truyện thôn quê của Nam-Cao	— 2, 00
MỘT MỐI TÌNH	của Phạm Huy-Toại	— 3, 00
GIẤC MƠ PHỐ MÃ	Sách Hoa-Mai của Vị Hỉ	— 0, 20
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA	Sách hoa-Mai của Thế-hùng	— 0, 30
BẢY BÔNG LÚA LÉP	Sách Hoa Mai của Nam-Cao	— 0, 50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG	Sách Hoa-Mai của Tiêu-Lang	— 0, 50

NHÀ XUẤT BẢN CỘNG LỰC

N° 9 Rue Takou — Hanoi

Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ

Số 61

Ứng-hòa NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV. — Kim Vân Kiều
(bài nối)

Bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-văn-Vĩnh in lại năm 1920 (trang 111), quyển *Vương Kim diễn tự* (bản sao của trường Bác-cổ số A B 234, tờ 48 b) và quyển *Đoạn-trường tân-thanh* tức là kinh-bản của cụ Kiều oánh-Mậu (tờ 43 a) chép câu 1683 và 1684 là: « Gần miền nghe có một thầy, Phi phù chi quỉ, cao tay thông-huyền ». Phường bản của Quan-văn đường (tờ 53 b) chép là « Phi phù việc quỉ ». *Kim Vân Kiều chú* (bản sao của Bác-cổ, số A B 233, tờ 40 b) chép là « Phi phù sát quỉ ». Bản quốc-ngữ của thư-xã Alexandre de Rhodes (tr. 406) chép là « Phi phù trị quỉ ». Chính chữ « chí » mới phải: « chí » nghĩa là đến, « phi phù chí quỉ » nghĩa là đốt lá bùa thầu đến quỉ; bản chữ nho (tức *Kim Vân Kiều chú*) chép là « phi phù triện tướng, phản văn vong hồn », nghĩa là đốt lá bùa vời tướng quỉ để hỏi vong-hồn: thế thì chữ « sát » và chữ « trị » không hợp nghĩa bằng chữ « chí ».

— Hai bản quốc-ngữ, *Vương Kim diễn tự*, và *Kim Vân Kiều chú* đều viết: « Mệnh-cung đang mắc nạn to ». Kinh bản và phường-bản viết chữ « Bột-cung » và chú nghĩa « Bột » là sao Bột; cung-mệnh có sao Bột chiếu thì bị nạn.

— Các bản chữ nôm và quốc-ngữ đều viết « Hai bên giáp mặt chiền-chiền Muốn như mà chẳng dám nhìn, lạ thay! » Duy kinh-bản chép là « Hai bên giáp mặt nhiều phen ».

— Các bản đều chép « Nghe lời nói, lạ nhường này! » Duy kinh-bản chép « Điều đâu nói lạ nhường này ».

— Các bản đều chép « Nước trôi hoa rụng đã yên. Duy kinh-bản chép « Đành rằng nàng đã cửu-nguyên », dưới lại chú rằng « Phường-bản chép: Hoa trôi nước chảy đã yên; nhưng theo kinh-bản ».

— Hai quyển quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Vực nàng tạm xuống môn-phòng, Hãy còn thiêm thiếp giấc nồng chưa phai ». Duy kinh-bản chép « Đem nàng bỏ xuống cửa phòng ».

— Bản quốc-ngữ 1920 chép « Hoàng-lương chợt tỉnh giấc mai, Cửa nhà đâu mất, lâu-đài nào đây? » ; bản quốc ngữ 1943 chép là « hồn mai ». Phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Hoàng-lương nghe tỉnh hồn mai, Cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây? » Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Mơ-màng chợt tỉnh hồn mai, Cửa nhà đâu tá, lâu-đài nào đây? » Kể ra thì câu trên nên theo chữ « Hoàng-lương » (kê vàng), câu dưới nên theo chữ « đâu tá ». Hoàng-lương do điển sau này: « Trong đời Khai-nguyên (713-741) nhà Đường có người học-trò đỗ Lạc đi thi hỏng, về đến hàng cơm ở Hàm-đan, chủ hàng cơm đang nấu nồi kê, người học-trò buồn ngủ, có người đạo sĩ đưa cho cái gối, người học trò nằm xuống thiếp đi, thấy vào cửa son son, gặp giai-nhân đính ước, sau khi thành hôn, đi thi đỗ trạng-nguyên, bổ Hàn-lâm, ra trí-châu, có quân-công, được phong hầu, bổ Lý-lâm-Phủ giêm, giáng ra làm quan ở Lĩnh-nam, sau được triệu về, phong quốc-công, thọ ngoại 80, bị bệnh mất.. giật mình tỉnh dậy, mới biết là chiêm-bao, mà nồi kê của nhà hàng vẫn chưa chín » (dịch ở *Kim Vân Kiều chú*). Chữ « hồn mai » do điển sau này: « Trong đời Khai-hoàng (580-600) nhà Tùy, Triệu-sư Hùng đến ở núi La-phù, có một hôm về mùa rét, giời đã tối, thấy ở cạnh quán rượu rừng mai có một người đàn bà đẹp, áo xanh, da trắng, Sư-Hùng ta đến, đến khi mặt trăng đã rõ, cùng nói chuyện thì tiếng nói trong trẻo, hương thơm ắt người, cùng nhau đến quán rượu, nống quá say, rồi cùng nằm; nhưng gió lạnh quá, ngảnh lại thì mặt giời đã rạng đông; chỉ thấy gốc cây mai lớn... » (dịch theo *Long thành lục* ở trong *Kim Vân Kiều chú*).

— Quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* chép là « Gạn-gùng ngọn hỏi ngành tra, Sự mình nàng đã cứ mà gửi thưa ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Sự mình nàng phải cứ mà gửi thưa ».

— Bản quốc-ngữ 1920 chép là « Bất tình nổi trận mây mưa: Tuồng gì những giống bơ-thờ quen thân ». Bản quốc-ngữ 1943 chép là « Bức rằng Những giống bơ-thờ quen-thân ». Phường-bản chép là « Quở nàng ». *Vương Kim diễn tự* chép là « Mắng rằng » Kinh-bản chép là « Mắng rằng: Giống khéo bơ-thờ quen thân ».

Thống-chế Pétain đã nói :

LÒNG ÁI QUỐC CỦA NHÂN DÂN VẪN CÒN, THÌ TỔ QUỐC VẪN CÒN MÃI MÃI.

— Hai bản quốc-ngữ và kinh-bản chép : « Đã đem mình bán cửa tao. Lại còn khủng-khỉnh làm cao thế này ! » Phường-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Lại còn đủng-đỉnh ». *Kim Vân Kiều chú* chép là « Lại còn những thói ».

— Hai bản quốc-ngữ, phường-bản và *Kim Vân Kiều chú* đều chép « Phải đêm êm-ả chiều trời, Trúc tơ hồi đến nghề chơi mọi ngày ». Kinh-bản và *Vương Kim diễn tự* chép là « Có khi êm-ả » : hai chữ ấy theo kinh-bản phải hơn vì êm-ả là tốt thì không dùng chữ « phải đêm ».

— Bản quốc-ngữ 1920, phường bản và truyện chú chép « Cửa người đây đọa chút thân, Sớm năn-nỉ bóng, đêm ân-hận lòng ». Bản quốc-ngữ 1943 chép « Sớm năn-nỉ bóng, đêm ngơ-ngẩn lòng » : chữ « ngơ » không hợp vần với chữ « thân ». Kinh-bản viết « Sớm than-thở bóng, khuya năn-nỉ lòng ».

— Phường-bản, quốc-ngữ và *Kim Vân Kiều chú* đều viết « Sinh đà phách lạc hồn xiêu : Thương ôi ! chẳng phải nàng Kiều ở đây ? » Kinh-bản chép « Thương ôi ! nọ chẳng nàng Kiều ở đây ? » *Vương Kim diễn tự* chép « Thương ôi ! đó nọ nàng Kiều ở đây ? » *(Còn nữa)*

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐỌC SÁCH

Kim vân Kiều (nouvelle traduction française) của M. R.

Thư xã Alexandre de Rhodes vừa cho ấn-hành một bản dịch ra Pháp văn quyển Kim vân Kiều.

Bản dịch này khác bản với bản dịch của ông Nguyễn văn Vĩnh cũng do Thư xã xuất bản.

Dịch văn Kiều ra chữ Pháp đến đây đã có nhiều người dịch, có đến bốn bản kể cả của ông Nguyễn văn Vĩnh, nhưng phần nhiều chỉ là dịch ý mà không dịch nguyên văn.

Trong bản dịch này, dịch giả là M. R. đã theo từng câu chú thích những điển thơ, lại chua thêm cả những chỗ hoài-nghi trong câu chuyện.

Dịch giả vốn người uyên thâm hán học lại giỏi cả quốc văn nên đã thành công trong nhiều đoạn mà chúng tôi thử đem ra so sánh dưới đây :

Khóa xuân :

Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân,
Vẻ non xa tấm màng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông,
Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia
Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.

« Devant le pavillon de « l'Azur condensé » asile de son printemps, une frange de monts lointains se fondait dans l'éclat de la lune voisine. Des quatre côtés, à perte de vue, s'étendait le regard, sur le sable jaune des plages, sur les chemins poudrés de rose. Indifférente aux nuages de l'aube comme aux lampes du soir, tantôt les souvenirs, tantôt les paysage semblaient se partager son âme ».

o và như đoạn : Thúc sinh từ biệt Kiều :

Người lên ngựa kẻ chia bào,
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san
Dặm hồng bụi cuốn chinh an
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi
Tưởng giờ gặp gỡ ngẩn ngôi
Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường.

« Thúc monte en selle et Kiều le quitte comme un oiseau arraché à sa ramure. La Forêt d'érable teintée par l'automne couvre au loin les sentiers et les monts. Sur le champ la poussière rose tourbillonne autour du cavalier, Kiều regarde et le perd de vue, parmi les lieues de mûriers verts. Elle rentre et demeure seule, au long des cinq veilles de la nuit. Et Thúc cheminé solitaire, tout là bas, à dix mille lis. Disque de la lune, qui l'a divisé en deux, moitié pour caresser l'oreiller solitaire moitié pour chriller sur les routes ? »

Thật là lần đầu tiên có một bản dịch kỹ như vậy ; bản dịch này sẽ giúp ích cho những người — nhất là người Pháp — từ xưa đến nay chỉ mới được thưởng thức ý chuyện Kiều mà không biết cách hành văn của tác giả Nguyễn Du tiên-sinh.

Chúng tôi xin mừng dịch giả đã vượt được bao nỗi khó khăn để cố tội hết tinh-thần văn chuyện Kiều và dịch sát nghĩa với Pháp văn mà nhất là những câu dịch cũng văn chương và rõ ràng nghĩa từng chữ một.

Vậy xin vui lòng giới thiệu bản dịch có giá trị này với độc giả thân mến của tạp chí.

TIÊN-ĐÀM

Kính đáp ông Lê Văn

trong báo « Quốc-gia » số 2 về những chỗ nhầm ở Văn-liệu Từ-Điển

Long-Điền
NGUYỄN VĂN MINH

Nhân mộ hôm ra Hà nội, vào một hàng sách, tôi thấy tập báo « Quốc-gia số 2 » đọc bảng mục lục in ở bìa có mục « Đối sách : *Văn-liệu Từ Điển* và *Quang-Trung*.

Thoạt đọc hết giòng trên, trong bụng đã mừng được một vị ân-nhân hạ cố chỉ dạy cho những chỗ nhầm trong sách, vì vốn tôi là một người đang tìm học, nên hơn biết, được ai chỉ bảo cho việc gì là vồn vã hoan nghênh.

Một nhời nói hay quí hơn vàng ngọc.

Người chê ta mà chê phải là thầy ta, người khen ta mà khen phải là bạn ta, người mắng ta ấy là người thù ta đấy ; cho nên thấy có người vạch mấy chỗ nhầm trong « Văn-liệu Từ Điển » trong bụng tôi rất vui mừng.

Đến khi, hốc mắt thấy mấy chữ Lê Văn và Bế Lăng Ngoạn, thì nỗi mừng dảm đi mất sau. Vì sao ? Vì mười mươi thấy là ông Lê Văn tác giả bài « Văn liệu » mà Bế quan tác-giả bài « Quang-Trung ».

Nỗi mừng của tôi sở gì đảm đi quá nữa, vì ông Lê Văn đối với tôi không phải là người mới biết, mà là bạn văn chương từ mùa đông năm ngoái.

Nguyên nhật báo « Việt Cường » ra ngày 25-11-43 ông Lê Văn có bài « Mộng Hoè » nói tôi giải nghĩa nhầm. Ngay khi ấy, tôi đã cắt nghĩa rõ ràng minh bạch trên báo « Việt-Cường » và trên tạp-chí « Tri Tân » số 136 và 137 ở bài « *Văn đề tiếng ta* » để ông hiểu rõ, kẻo sợ ông làm lầm độc-giả.

Bảy tháng trời đã qua. Trong thời-gian ấy, ông Lê Văn cố tra cứu tìm tòi được mấy chỗ nhầm, đăng lên báo vì ông cũng sợ tôi, như tôi sợ ông ngày nằm ngoái làm lầm độc giả.

Kịp khi, tôi mở bà ra đọc, mấy giòng đầu, nỗi mừng lại dảm đi mất vài phần nữa, mà tự-nhiên có ý thất vọng ở trong, vì xét thấy cách phê-bình và lời văn lại kém xa lần trước (ngày 25-11-43 về chữ « Mộng Hoè »).

Ông Lê Văn, lấy tư cách một nhà học-giả phê bình một quyển sách về địa-giới khảo cứu và văn-chương, mà ông tỉ mỉ để ý đến cả những cái nhỏ bé tầm thường, dù có nhầm nhỏ cũng không dung cho ai tôi thật tôi không phục lắm.

« *Văn liệu từ điển* » hay « *Từ Điển Văn liệu* » thì phỏng có sát nghĩa gì. Xét thế, đủ thấy ông chưa hiểu rõ cả đến nghĩa chữ *nhầm* nữa.

Tôi lại cố sức hết bài « vạch mấy chỗ nhầm » thì thấy nỗi mừng đã hết, mà thất vọng vô cùng.

Trước khi trả lời từng chỗ nhầm mà ông Lê Văn đã vạch, tôi hãy xin phép độc giả ngừng lại một chút, để cắt nghĩa rõ chữ « *nhầm* », kẻo ông Lê Văn chưa hiểu thấu thế nào là *nhầm*, thế nào là *sai*, thế nào là *thiếu*, thế nào là *sót*, thì khó mà lĩnh hội được những nhời giảng sau đây.

nhầm : tức lầm lỗi, trái hẳn, hoặc hình, thức hoặc tính thần. Như : rộng cho là hẹp, to cho là nhỏ, bé cho là lớn, nông cho là sâu, vuông cho là tròn, mỏng cho là dày, đẹp cho là sấu, hay cho là dở, lợi cho là hại, phải cho là trái.

Tỉ dụ như chữ « Xiêu Mẫu » là danh từ riêng, mà ông cãi là danh từ chung như thế mới gọi là nhầm.

Còn như *không đúng*, nhiều người cũng cho là nhầm thật không phải nghĩa, không đúng tức là sai.

sai : tức là không đúng, hoặc về hình thức, hoặc về tinh thần, nhưng không trái hẳn, nghĩa là không nhầm.

Thí dụ như câu của Cố Duyệt Chi trả lời vua Giản-văn-Đế, theo sách « Thế thuyết tân ngữ » và « Tân thư Cố Duyệt Chi truyện » ông dẫn ra chép như sau :

Tùng bách chi tư, kinh sương do mậu,
Bồ liễu chi tư, vọng thu nhi lạc.

Về phần tôi, tôi khảo « Từ nguyên » lại thấy

Cổ tàu rằng :

Bồ liễu chi tư, vọng thu nhi lạc,
Tùng bách chi chất, kinh sương do mậu.

Sai hai chữ « *tiết tính* »

« *nhi lạc* » và một chữ « *chất* », mà câu dưới lên trên, câu trên xuống dưới.

Lại tra cứu « Trung Quốc nhân danh đại Từ-điển » thấy Cố câu rằng :

Tùng bách chi tư, kinh xương do mậu,

Bồ liễu thường chất, vọng thu tiên linh.

Lại sai với ông hai chữ « *thường chất* ».

Một câu nói của Cố Duyệt Chi, mà mỗi sách chép một khác, khác thì có khác nhưng ý không trái, như vậy là sai, chứ không phải nhầm.

Trong chữ sai, lại còn chữ *thiếu* và *sót*.

Một việc có khi không nhầm, không sai nhưng không đủ, thế là *thiếu* hay *sót*.

Thiếu tức là không đủ, nghĩa là không có mà để thiếu hay không biết mà để thiếu (như chữ « *Xuân Huyên* » dưới đây).

Sót tức cũng là không đủ, nhưng có ý, có mà quên bỏ sót, hay biết mà quên để sót, (như chữ « *Kim Ốc* » dưới đây).

Nếu ông Lê Văn đã nhận rõ ý nghĩa bốn chữ *nhầm, sai, thiếu, sót* thì xin kính đáp những chỗ nhầm theo sở học của ông.

Trong bảy tháng trời, ông đã công phu, có kiên chí, đọc rất kỹ quyển « *Văn liệu Từ điển* » của tôi, lật từ trang đầu, đọc kỹ cả tên sách bên trong và bên ngoài, đọc cẩn thận cả mấy bài nói đầu, suốt mấy trăm trang giấy qua 25 vần tới bảng kê các sách ở cuối, ông tìm được 5 chỗ nhầm. Chắc 5 chỗ nhầm này, ông cho là cần-hệ nhất trong nhiều chỗ nhầm mà ông nói ông không kể ra được hết.

Năm chỗ nhầm cần hệ nhất theo ý ông Lê Văn là những chỗ này : 1) Bồ liễu - 2) hồ mốc - 3) Xuân huyên - 4) Trúc mai - 5) Xếu mẫu.

1) *Bồ liễu* : Trong « Văn-liệu Từ điển » của tôi, tôi giải nghĩa bồ liễu là bài thơ yếu ớt nên các nhà văn thường ví với đàn bà con gái.

Theo sổ khảo sát của tôi, tôi thấy :

Trong « Từ-nguyên » nói bồ là một thứ cỏ bồ (thảo danh) « Hán Việt Từ điển » nói bồ là cây táo.

« Nam Hoa Từ điển » nói bồ là cây cỏ bồ. (Cây cỏ bồ làm chiếu, làm quạt,) lại có cây bồ liễu, cây xương bồ.

« Hán Việt Tự Điển » nói bồ 1) là cỏ bồ, lá non ăn được, lá già dùng làm chiếu làm quạt hay làm bao bọc đồ 2) bồ liễu là cây liễu dương v.v.

« Khang Hy tự điển » nói bồ là cỏ bồ « Bồ thảo dã »

« Đại Nam quốc âm tự vị » nói bồ là thứ cỏ thơm, rễ nó có nhiều mắt, lá nó làm lá tâm.

« Việt Nam Tự điển » nói bồ, tên một thứ cỏ mềm yếu thường dùng để ví người con gái. Bồ liễu cũng là thứ cỏ mềm yếu.

« Hán-việt thành ngữ » nói bồ liễu : jonc et saule, s. fig. faible, débile ; p. ext. jeune fille.

Truyện Kiều có câu :

Phận bồ từ vẹn chữ tòng
Đổi thay nhận yến đã hòng đây niên

như vậy ở đó bồ là một thứ cây riêng.

Trong loại bồ, có thứ bồ liễu, cây thủy dương (salex gracilistyla).

Ông Lê Văn tra cứu thấy có chữ « Bồ liễu » ở quyển Tâm-nguyên Từ-điển của ông Lê văn Hoè ; Không biết cây bồ liễu, vội vàng khẳng định, nhưng giả ông theo lương tâm chân chính của một người yêu quốc văn, yêu quốc học bảo tôi nên thêm nghĩa vào chữ đó thì phải hơn là bảo tôi giải nghĩa nhầm.

Ông Lê Văn lại theo ông Lê văn Hoè, dạy thêm cho hay rằng chữ « bồ-liễu » có thể dùng ví với thể chất suy nhược của người ta, bất luận đàn ông hay đàn bà.

Muốn cho nhời nói trên của ông rõ rệt chân chính, ông dẫn sách « Thế Thuyết » có chép :

Cố Duyệt-chi cùng tuổi với vua Giản văn Đế, Duyệt chi tóc bạc trước, vua hỏi, Duyệt-chi tâu rằng :

« Tùng bách chi tư, kinh xương do mậu, bồ liễu chi tư vọng thu tiên linh » = thân tùng bách trải xương tuyết vẫn xanh, thân bồ liễu vừa tới thu đã trụi lá.

Ông thấy câu đó, cho là Cố Duyệt-chi ví mình như bồ liễu, ông cho có thể dùng hai chữ đó để nói về đàn ông và đàn bà, nhưng ông không biết đó là hán văn, còn ông quên rằng ta đang nói chuyện ở trong địa giới quốc văn.

Ông còn lạ gì, trong quốc văn có nhiều chữ hán dùng ở địa-giới hán-văn thì khác, mà dùng ở địa giới quốc-văn thì khác, như chữ : Tử-tế, tầm-thường, ngang tàng, lịch-sự v.v.

Tôi xin thú thật, không được như ông có hân hạnh đọc nhiều sách hán kỳ lạ, nhưng thật ra, ngoài câu văn ông dẫn của Cố Duyệt-chi trên đây, tôi chưa được gặp một câu hán văn nào dùng hai chữ « bồ liễu » nói về đàn ông.

(Xem tiếp trang 14)

BA NGƯỜI THỢ CÀN MẪN

LÊ-THANH

Như đã nói trên, khi Nguyễn-văn-Vĩnh chủ trương *Đông dương tạp chí*, tiên-sinh dịch sách của Âu-Châu đăng dần từng kỳ xuất từ năm 1913 đến năm 1917. Những bản dịch này, sau có in thành sách trong loại Âu-Tây tư tưởng. (Tủ-thư do ông R. Robin, thống sứ Bắc-kỳ cùng tiên sinh lập ra).

Tiên sinh dịch *Thơ ngụ ngôn* của La Fontaine chuyện trẻ con của Perrault, kịch *Trưởng giả học làm sang*, *Người bệnh tưởng*, *người Biển lận*, *giả đạo đức* của Molière, kịch *Tục-ca-lệ* của Lesage, tiểu thuyết : *Gil-Blas de Santillane* của Lesage, *Manon Lescaut* của Prévoit, *Miếng da lừa* của Balzac, *Ba người ngự lâm pháo thủ* của Dumas, *Qui li ve du kỳ* của Swift, *Télémac phiêu lưu ký* của Fénélon; và sau này *Những kẻ khốn nạn* của Hugo (đăng trong báo *Trung bắc tân văn*).

Theo lời tiên sinh tuyên bố với một đồng nghiệp đến phỏng vấn tiên-sinh (2) thì tiên-sinh bắt đầu dịch sách tây từ khi còn ít tuổi lắm, mà dịch sách gì, bộ *Esprit des Lois* của Montesquieu, *Traité de l'esprit* của Helvétius, tập thơ ngụ ngôn tiên-sinh cũng dịch từ khi còn ít tuổi, chưa làm văn văn bao giờ. Tuy vậy nó không phải là những ấu văn-dịch không có giá trị. Với những bài thơ ngắn « Con ve sầu và con kiến », « Ba thằng ăn trộm với con lừa, »... — tất cả 44 bài — Không những tiên sinh diễn hết ý mà còn lột hẳn được tinh thần những bài thơ của nhà ngụ ngôn tây phương.

Sau này trong làng văn ta cũng đã có nhiều người dịch thơ ngụ ngôn nhưng không thể lưu loát, dản dị và đủ nghĩa được như những bản dịch của tiên sinh (3)

Tôi còn nhớ khi tôi còn ít tuổi, học trường sơ học, thầy giáo cho học những bài thơ ngụ ngôn ấy, đọc những câu đặc an-nam :

« Vì con lừa của vừa ăn trộm
Hai thằng gian đánh lộn cùng nhau
Thằng này muốn dắt về sau
Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền... »

(Hai thằng ăn trộm với con lừa)

Không bao giờ tôi ngờ là những câu văn dịch, và được học những bài ấy tôi lấy làm thích lắm.

Cũng bằng cái dọng dí dỏm, lưu loát tiên-sinh dịch *những truyện trẻ con*. Có thể nói những bài dịch này là những công trình dịch thuật tuyệt tác không những của tiên-sinh mà của cả văn học Việt-nam nữa. Dưới đây là một đoạn trích trong « chuyện thằng nhỏ tí hon ». (Sau khi thằng nhỏ tí hon cùng sáu anh bị cha mẹ đem bỏ vào rừng) :

« Anh em cùng lo sợ lắm, càng đi xa càng lạc lối, đâm vào mãi tận trong rừng thẳm. Trời lại tối sập xuống, gió to lại nổi một cơn làm cho mấy cậu sợ hết hồn hết vía. Tai nghe văng vẳng đã hình như lang rú quanh mình, chạy đến mà vồ bầy đứa. Anh em lủi thủi mà đi, đố dám mở mồm nói chi yên, đố dám quay đầu nhìn lại đằng sau. Kịp lại đến cơn mưa trút nước, anh em đều ướt đến xương. Mỗi bước đi thì chân lại trượt, ngã lấm như chôn như vùi. Đứa nào đứa ấy hai tay lóng cóng không biết để vào đâu.

« Thằng Bé-Ti-hon trèo lên cây cao mà nhìn xung quanh xem có thấy gì. Nhìn mãi bốn phía, sau thấy một ngọn đèn thấp thoáng đằng xa, xa lắc xa lơ, đâu đâu ở tận bên kia rừng thẳm. Nó nhảy xuống đất thì lại không nom thấy gì nữa cả, lấy làm buồn quá... »

(*Chuyện trẻ con*
Éditions T B T V, 1928
tr. 70-71)

Kịch của Molière tiên-sinh dịch gần hết những vở có giá trị, bắt đầu với vở *Bệnh tưởng*, cả đến vở bằng văn vần *Tartuffe* tiên-sinh đã dịch (nhưng chỉ được một nửa đăng trong *Đông dương tạp chí*) cũng bằng văn vần. Kể là một sự táo bạo và một sự kiện nhẫn nại lắm. Vở *Bệnh tưởng* sau có đem ra diễn. Đó là vở kịch đầu tiên bằng tiếng nam được đem lên sân khấu Việt-nam. Vì vậy, người ta nói sau này người mình viết kịch theo thể cách của kịch Tây, diễn

theo lối của người Tây, lập nên một thể văn kịch cho văn-chương Việt nam ấy là công của tiên-sinh, cũng không phải là quá đáng.

Dịch kịch tiên-sinh cũng theo cái lối riêng của tiên sinh là diễn ý tưởng bằng những câu trong ấy có những tiếng an-nam thuần túy. Dưới đây là một đoạn trong vở *Người biển lận* trích làm thí dụ :

« Hạc-bá-công — Phi tiến ».

Hạc-công. — Mày bước ngay cho khỏi nơi này đi ! Mà tao cấm cãi lại, nghe ! Đồ ăn cắp, đồ chết dâm, chết chém ! Bước ngay ra khỏi nhà tao.

Phi tiến. — (nói một mình) Không bao giờ tôi có gặp một người nanh ác như là lão chủ tôi này. Quẳng hay lão bị ma trêu quỉ làm hay sao !

Hạc-công. — Mày lẩm bẩm à ?

Phi tiến. — Sao ông đuổi tôi ?

Hạc-công. — Mày lại còn phải hỏi ta à, thằng chết dâm kia ! Muốn sống ra ngay, không thì ta đánh cho mày tan xương bây giờ.

Phi tiến. — Tôi làm nên tội gì mà ông đánh đuổi tôi.

Hạc công. — Tội mày ấy à Tội mày là tội khiến cho ta muốn tống mày đi ngay.

Phi tiến. — Thưa ông, cậu con đặn con phải đứng chờ cậu đây.

Hạc-công. — Mày đi ra đường mà đứng chờ nó, chứ đừng có đứng trong nhà ta, sừng sững như là cái nêu kia kia, để mà nghe ngóng, để mà dò la, rồi ăn cắp đó. Ta không có muốn luôn luôn mắt thám theo chân ta mà xem xét công việc của ta, hai con mắt mày cứ thao láo ra mà nhìn theo ta từng bước, để chực cướp sống lấy của ta : lúc nào mày cũng chỉ dợi ta xảy cái gì thì mày ăn cắp mà thôi.

— *Phi tiến.* — Thưa ông, ông thử nghĩ xem có cách nào là cách lấy trộm được của ông cái gì không ? Ông có cái gì thì ông giấu giếm thật kỹ rồi ông cả đêm cạnh ngày như thế tôi phỏng ai là người ăn cắp được nữa.

... *Hạc công.* — À mày lại lý sự với ta à ! Ta thì cho cái lý sự này vào mặt bây giờ (giơ tay định tát Phi-tiếp) Bước ngay ra khỏi đây !

Phi tiến. — Vậy thì tôi ra.

Hạc công. — Thong thả đã, mày có mang gì của ta đi đó không ?

Phi tiếp. — Tôi còn lấy được cái gì của ông đi nữa

Hạc công. — Lại đây ta xem. Đưa tay đây.

Phi tiến. — Tay đây (Phi tiến giơ cả hai bàn tay ra)

Hạc công. — Tay nữa

Phi tiến. — Còn tay nào nữa ?

Hạc công. — Ở tay nữa.

Hạc công. — (trỏ vào quần đùi) Mày có giấu gì vào đây không ?

Phi tiến. — Ông xem lấy.

Hạc công. — (lần ống quần của Phi tiến) Những thứ quần đùi rộng ống như thế này chỉ để cho chúng nó để giấu đồ ăn cắp mà thôi. Ta muốn đem chém một vài đứa về tội đó.

(Những bài kịch của Molière tiên-sinh. Trung-bắc tân-văn 1928 trang 235 - 236 - 237)

(*Còn nữa*)

LÊ THANH

---

1) Tân Nam-Tử.

2) Tin văn số 1 ngày 28 7-1935

(3) Con ve sầu và con kiến

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè
Đến kỳ gió bấc thổi,
Nguồn cơn thật bối - rối
Một miếng cũng chẳng còn
Ruồi bọ không một con.
Vác miệng chịu khúm núm,
Sang chị kiến hàng xóm,
Xin cùng chị cho vay
Giảm ba hạt qua ngày :
— Từ nay sang tháng ba,
Em lại xin đem trả
Trước lãi, thề đất trời !
Xin giả cả vốn lời.
Tính kiến ghét vay cậy
Thời tiết chẳng hề chi,
— Nắng ráo chú làm gì ?
Kiến hỏi ve như vậy
Ve rằng :
— Luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiệt gì bác
Kiến rằng :
— Xưa chú hát
Nay thử múa coi đây.

2e édition :

CENT RÉDACTIONS CORRIGÉES AU CERTIFICAT D'ÉTUDES COMPLÉMENTAIRES INDOCHINOISES

par MM. Trần-Huy Cơ et Ng-Huy Hoàng, Instituteurs

(Ouvrage adopté par la Commission des manuels scolaires)

Prix 2$00 Port recommandé 0$32

Librairie Đông Tây, 195 Rue du Coloane — Hanoi

Kính đáp ông Lê Văn...

(Tiếp theo trang 11)

Còn về địa-giới quốc-văn, ông dám cả tiếng nói có thể dùng hai chữ « bổ lễu » với dân ông thì thật ông định làm lầm độc giả.

Kim ốc : Trong « Văn-liệu Từ điển », tôi giảng nghĩa : « Kim = vàng, ốc = nhà, tức như nhà các vua chúa ở ».

Giảng thế, tức nghĩa đen là nhà lầng vàng, mà nghĩa bóng, là nhà đẹp như nhà các vua chúa ở.

Ông Lê Văn cho thế là nhầm. Và bảo chỉ là nhà thật đẹp thôi.

Thực ra câu giảng nghĩa trong « *Văn liệu* » có sót một chữ đẹp.

Nhà thật đẹp, nói như nhà các vua chúa ở — vì vua chúa thường được ở những nhà thật đẹp — phỏng có khác gì nhau.

Cũng như thời nay, ta thường nói :

« Ăn chơi đế vương », với « ăn chơi xa xỉ » mà ông cũng bảo là nhầm thì thật tôi không dám phục.

3) *Xuân huyên* : Trong « Văn liệu » tôi giảng nghĩa, xuân là cha, huyên là mẹ, ông Lê Văn cũng nói như thế, duy khác nhau ở chỗ đời Đường với đời Tống.

Thế mà ông vội vàng cho ngay là nhầm, ghi vào năm cái nhầm lớn thì thật tôi phải thán phục cái tài chăm văn của ông.

Bề học mênh mông, sức học có hạn, mỗi người biết được một ít, chứ ai dã dám tự nói đọc suốt được sách cổ kim. Đến thư viện to nhất hoàn cầu cũng chưa dám nói là sưu-tầm (sưu tầm thời chưa nói đến đọc) hết thư tịch ở thế gian.

Phàm, tìm học, học được đều đâu, xin trình bày đến đấy (như lời tôi đã thanh minh trên đầu quyển « Văn liệu » chứ có dám nói dông dài như anh bán dầu trên xe hỏa, mười voi không được một bát sáo có ý lừa người, lỏe người, hơn là học người, những bực sỹ quân tử chắc cũng thừa rõ cái dã tâm của những kẻ bôn xu mua danh mua lợi ấy lắm.

Ông Lê Văn đọc được sách đời Đường thì hay được từ đời Đường, tôi mới học được đến đời Tống thì nói từ đời Tống, như vậy là thành thực. Biển đâu, bể học còn rộng, rừng sách còn nhiều, trong thiên hạ còn nhiều người giỏi sau này chắc còn nhiều người khác đọc nhiều hơn nữa lại chỉ bảo thêm ra, như thế, học thuật mới tiến, quốc-học mới thịnh chứ chưa chi dã lấy mấy tên sách tạp nhạp mê hoặc người đời, có khác gì anh thợ vẽ vụng chỉ ưa vẽ rồng phượng, kỳ lân, mà không dám vẽ gà chó trâu ngựa.

Nhân câu truyện trên, tôi xin kể một thí dụ để ông hiểu chú thích một chữ trong câu văn không ai dám tự-đắc là đúng mà phải thành thực.

Trong truyện Kiều có câu :

Tiếc thay trong giá trắng ngần
Đến phong trần, cũng phong trần như ai.

Lại ta có câu phương ngôn :

Trong như giá
Trắng như ngần.

Có một chữ « ngần » mà mỗi vị chú thích một khác.

Trong « Kim Vân Kiều chú thích » của cụ Bùi Khánh Diễn trang 110, chú câu trên xuất sứ ở câu thơ Tàu có

Thanh như băng tuyết, bạch như ngân.
(*Trong như băng tuyết, trắng như bạc.*)

Theo ông Hồ đắc Hàm cho chữ « ngần » là chữ ngân là bạc đọc trạnh ra.

Lại ông Bùi-Kỷ và Trần Trọng Kim trong truyện « Thúy Kiều » trang 133, nói « ngần » là con cá ngần trắng như bột.

Ông Nguyễn văn Vĩnh và ông Nguyễn can Mộng cũng chú thích truyện Kiều, đều không nói gì đến chữ « ngần » ấy cả.

Đến ông Tản-Đà Nguyễn Khắc Hiếu, trong quyển « Vương Thúy Kiều » chú giải, trang 94, ông thành-thực ôn cả những lời chú thích của các vị trên, và thêm rằng : « chưa biết nghĩa nào phải hơn nay xin để cả ».

Xem đó thì biết những bực chân chính quân tử bao giờ cũng thành thực không dám khinh xuất hạ bút viết càn.

4) *Trúc mai* : Trong « Văn liệu » tôi giải nghĩa « Trúc mai » là cây trúc và cây mai, căn cứ vào sử sách các bực tiền bối.

Ông Lê Văn cả tiếng nói là giảng nghĩa như thế là nhầm, ông nói thêm :

« Trúc mai, chính phải gọi là mai trúc mới đúng. Trong Kiều thông dụng cả hai tên đó :

Một nhà xum họp trúc mai
. . . . . .

Chắc rằng mai trúc lại vầy. Mai trúc không phải là hai thứ cây — vẫn nhời ông Lê Văn giảng giải — mà chỉ là một giống tre (trúc) ở vùng Quảng-Đông nước Tàu. Sở dĩ giống tre đó mang tên là mai trúc nghĩa là giống trúc (làm mai) làm mối vợ chồng là vì một điển tích cũ.

Điển tích ấy, sách « Lương ban thủ vũ lâm Tùy bút » chép như sau hãy

Đỗ phụ đàm (đầm đánh đỗ được vợ) ở huyện Long-môn tỉnh Quảng-Đông. Tương truyền xưa có hai cô cậu bé đánh đỗ với nhau ở trên bờ mỗi người cầm một thanh trúc nếm xuống mạn thượng lưu đầm mà rằng: Hễ hai thanh trúc này chôi khớp lại với nhau làm một thì chúng ta sẽ kết làm vợ chồng.»

Quả thiên hạ thanh trúc chôi khớp lại với nhau. Hai cô cậu bèn lấy nhau, vì vậy đầm ấy gọi là «Đỗ phụ đàm» mà trúc mọc ở trên đầm gọi là Mai-trúc.

Thế là ông Lê Văn cho từ xưa đến nay cả bên Ta lẫn bên Tàu các nhà văn đều dùng nhầm hai chữ Trúc mai. Đến thế kỷ thứ 20 này, ở đất «Nghìn năm văn vật» mới có ông Lê văn Hòe năm 1942 trước, rồi nay ông Lê Văn Hòa theo tìm thấy hai chữ «Mai trúc» ở trong pho sách «Lương hạn thụ Vũ am tùy bút» (?). Ông Lê văn Hòe trong quyển Thi Thoại trang 251 tìm được đề đó, mừng quá nói rằng:

«Chúng ta phải phục cổ nhân ở chỗ xem nhiều biết rộng, mà tự lấy làm thẹn rằng muôn dặm đường đã không được đi, mà muôn quyển sách lại không được đọc.»

Nhưng xin ông biết cho chúng ta sinh sau cổ nhân, nên làm con cháu cổ nhân, chẳng nên làm tôi tớ cổ nhân.

Đọc sách tin cả sách cũng hỏng, thà đừng đọc sách còn hơn.

Sách có sách hay sách dở, sách đáng tin sách không đáng tin.

Lại ông cho thế là một sự phát minh to tát và ích lợi cho văn học giới Việt nam và Trung Hoa. To tát thế, mà từ năm 1942, đến giờ, không làm chấn động được thế giới văn chương cõi Á-đông.

Nay, xin bình tĩnh lại giảng giải nghĩa chữ Trúc mai để ông rõ.

Hai chữ «Trúc mai», trong văn chương Việt và Hán đều dùng một nghĩa là cây trúc và cây mai.

Trúc ruột thẳng và xanh, bốn mùa tươi tốt, nên văn nhân thường lấy cái tư cách không bôn xu trục lợi, của bực quân tử ví vào cây trúc nên thường gọi là trúc quân-tử.

Mai là một thứ cây hoa nở sớm hơn cả hoa khác mà cốt cách thanh kỳ, người thời thường cái phẩm giá đó, nên thường ví với tài lỗi lạc siêu quần của những bực phi phàm tài tuấn.

Vì thế nên thường hay lấy hai thứ cây đó ví với anh em, vợ chồng có ý chúc cho nhau mong cho nhau đều là người chính nhân quân tử.

Trong văn chương Việt và Hán xưa nay, đều dùng như thế, không hề bao giờ viết chữ mai là làm mối cả.

Như câu văn Việt:

Một nhà xum họp trúc mai.
Cùng sâu nghĩa bể, cùng dài tình sông.
(*Kiều*)

Như câu văn Hán:

Khai song mai nguyệt bạnh
Khi trần trúc phong thanh.

(Đối liễn thường hay treo chơi ở các nhà).

Tôi nói vậy, chắc ông Lê Văn lại viện bài thơ của ông thi hào đời Khang Hy là Khuất-đại Quân có câu:

Đàm thượng nhất kim mai trúc mỹ mà bảo văn Hán có dùng, nhưng đó là bài thơ vịnh truyện Đỗ phụ Đàm của Lương Tấn-Trúc. Lại biết đâu Lương Tấn Trúc không dựa vào truyện tình sử Vũ Hậu đời Đường đặt ra truyện mai trúc trên Đỗ phụ Đàm được.

Xét vậy thì rõ cái thuyết mai trúc của ông Lê Văn và ông Lê văn Hòe không thể đứng vững mà là bậy nữa, chẳng qua hai ông đọc sách không chịu suy nghĩ và có ý lập dị để tỏ đời.

Xem quyển «Tâm nguyên từ điển» trang 334, ông Lê văn Hòe nói hai chữ trúc mai, cho mai là cây bương; đến khi ông gặp được truyện Đỗ phụ Đàm lại lột đạt gì lên thi thoại trang 249 mà bảo là mai trúc.

Sở dĩ từ năm 1942 đến nay, không ai nói tới, là cũng vì cách đọc sách này nay sơ khuyết (xin xem bài *vấn đề đọc sách ngày nay* của Hiệp-sơn tự sỹ ở báo Tri Tân số 140, và 141) đó mà thôi.

5. *Xiêu mẫu*: Trên chỗ nhầm trên, ông Lê Văn có hỏi cho tôi đó, độ gần đọc qua quyển trên đã rõ hay dở. Đến cái nhầm thứ 5 này, mới thật là cái nhầm lớn mà người phạm vào nhầm sẽ bị cho động là biểu người thế nào?

Người nhầm đó là ai, tôi không dám đã tới nói ra đây, xin độc giả đọc mấy dòng đưa này về hai chữ «*xiêu mẫu*», động là sẽ rõ.

Trong «Văn liệu» tôi giải nghĩa hai chữ xiêu mẫu như sau:

« Lúc Hàn Tín còn hàn vi, đói khổ Bà Xiếu-mẫu cho ăn một bữa cơm. Đến sau Hàn-Tín phò Hán Cao-Tổ làm tướng, có cống đem trả ơn bà xiếu mẫu nghìn vàng. Đời sau thường dùng điển này nói việc báo đáp ân nghĩa. »

Ông Lê Văn quá yêu quốc văn, riêng lại yêu tôi nhiều nữa, — mặc dầu đôi ngờ tôi không biết mặt nhau đã không biết nhau tất cũng không có việc gì xích mích với nhau, nhưng tôi không biết làm sao ngày năm ngày, ông mang chữ « Mông Hồe » ra làm lễ tượng kiến « Tiệt » a « Xiêu mẫu » phải viết là xiếu mẫu (không vết hoa) vì xiếu mẫu không phải là danh từ riêng, xiếu mẫu không phải là bà xiếu mẫu như ông Nguyễn-văn-Minh lầm tưởng. Xiếu mẫu chỉ là một mụ thợ giặt mà thôi, tên là gì sử không chép, nên tới nay không ai biết. »

Rồi ông lại trưng ra nào « sử-ký tư mã thiên », nào Hoài âm Hầu truyện » để độc-giả kinh hoàng, và để tội thất hồn rồi lại chua thêm một năm chữ nho và dịch nghĩa tôi không dám biên ra sả đây, sợ làm phiền độc-giả mất thời giờ đọc và làm tốn giấy của nhà báo. Chỉ xin nói vậy cũng đủ, vì chỗ nhầm không phải ở sách cổ hay sách kim, mà ở trình-độ học thức, của người bình phẩm.

Sau đoạn văn ông trích ở sách cổ, ông lại thêm một đoạn văn tao nhã, hùng hồn lịch sự như sau :

« Coi độ thì Xiếu-mẫu đâu phải là bà Xiếu-mẫu gọi Xiếu-mẫu là bà Xiếu-mẫu thì có khác gì gọi Cu ly là ông « Cu li » Vú em là bà « Vú em » lấy tên nghề nghiệp người ta bảo là tên thật.

Nếu ông chịu suy nghiệm, thì ông còn lạ gì rất nhiều danh từ chung, biến thành danh từ riêng, và nhiều tên nghề nghiệp thành ra tên thật. Vì những trường-hợp đặc biệt.

Những tên : Âu-cơ, Mị nương, Triệu-âu lại những tiếng : Đền Bạch-mã, Cống trều hàng lược, Chợ Huyện rào v.v. đều là danh từ chung biến thành danh từ riêng cả.

Đến như chữ « Xiếu mẫu » ông bảo chỉ là con mụ thợ giặt, thật phải, xiếu hay phiếu nghĩa là giặt.

Nhưng Xiếu-mẫu là danh-từ riêng trong sử Tàu đã lâu, ông không biết nên nhầm vì trong văn Hán, những danh từ riêng không in khác danh từ chung như Âu Mỹ. Chỉ khi nào các cụ thư nhân đọc sách tiêu điểm vào những nhân danh, địa-danh thì mới có phân biệt.

Ông đọc sách hán, không biết phân biệt, lại còn cả tiếng bảo người nhầm. Như vậy thật cũng là câu giai thoại hứng thú trong văn-giới vậy.

Muốn chứng tỏ lời tôi nói là đúng, tôi xin ông tìm quyển « Nhân danh đại Từ điển » sẽ thấy rõ rằng có hai chữ « Xiếu-mẫu » ở trong.

***

Mấy chỗ nhầm ông Lê Văn vạch ra, tôi đã kinh dáp cẩn thận, độc-giả xem hết, rất biết phải trái hay dở, vì tôi xét nếu để im không nói rõ, sợ các ngài nhận nhầm sẽ có thương tổn cho nền học thuật nước nhà, nên bất đắc dĩ phải có bài này, cũng tự biết đã làm mất thời giờ cho người đọc, tốn giấy in cho nhà báo, thật trong lòng ân hận vô cùng.

Vì nghĩ ngày nay, bộn bề ba đào, muôn dân xao xuyến, người các nước đua nhau ganh tài đấu trí hết sức nghiên cứu khoa học tôi tân thế mà mình, trông người chẳng ngẫm đến ta, không biết tỉnh ngộ yêu mến nhau, đoàn kết nhau, bảo ban nhau, khuyên nhủ nhau dìu dắt nhau, học hỏi thêm lên để khỏi phụ cái tiếng « văn hiến » rực rỡ của ông cha còn lại, để khỏi phi cái khí « võ lược » oanh liệt của tổ tông di truyền ; lại chỉ dùng thời-giờ vàng ngọc nghĩ những cách để trực chia rẽ nhau, xâu xé nhau, ghen tị nhau, bới móc nhau, thì phỏng còn bao giờ lại thấy được những cảnh

Văn phong loát Trung quốc,
Võ lược khai biên thùy,

của các cụ ta xưa nữa vậy

Ông Lê Văn nghĩ sao ?

LÊNG DIỄN
Nguyễn văn Minh

Giá báo

1 năm	20$00
6 tháng	11,00
3 tháng	6,00
Mỗi số	0,50

Tin Thăng long

Nhân ngày hội nghị giáo khoa toàn quốc do hội Truyền bá quốc ngữ Hanoi tổ chức

Bồi 15 giờ chiều ngày thứ bảy 29 Juillet 1944, ông Nguyễn-văn-Tố hội trưởng hội T. B. Q. N. đã khai mạc hội nghị giáo khoa toàn quốc tại hội quán C. S. A. phố Coulier Hanoi bằng một bài diễn văn khá giài và quan trọng. Sau khi kể cái kết quả trong 6 năm hoạt động của hội là mở được tất cả 17 chi nhánh tại Bắc Kỳ có 827 lớp học, 2900 giáo viên đào tạo được hơn 4 vạn học trò biết đọc biết viết chữ « nước nhà », còn ở Trung Kỳ thì có 11 chi nhánh thành lập đạy được hơn 4 nghìn người, ông nói về các tiền chi phí về một người học trò của hội, về sự tận tâm của các giáo viên rồi ông mong tìm được một dấu hiệu riêng cho người giúp việc dạy học vì có dấu hiệu ấy thì những người không mang nó tự nhiên sẽ thấy mình chưa làm phận sự một người dân là phải giúp nước cho đỡ người thất học.

Kế ông là ông Vương kiêm Toàn, trưởng ban dạy học Hanoi lên diễn đàn nói cho thính giả biết cái tình hình về việc dạy học.

San mấy bản đàn của ban Bình Minh giúp vui các đại biểu các chi nhánh lên trình bày công việc. Đại biểu tỉnh Bình Định được mời lên nói trước tiên; rồi đến các bạn ở Thừa Thiên, Thanh Hóa, và ở 14 chi hội Bắc Kỳ.

Phiên họp lần thứ hai hôm ấy mãi 2 giờ sáng hôm sau mới chấm hết.

Hôm sau chủ nhật 30 Juillet, hội nghị lại họp để nghe ông Tạ văn Ngọc nói về đại cương chương trình lớp cao đẳng của Hội, và thảo luận về: a) công việc gây dựng, duy trì và mở mang một khu trường, b) cách tìm học trò, giữ học trò, cách kiếm giáo viên, luyện giáo viên, c) vấn đề dụng cụ d) mở thư viện bình dân.

Trước khi ra về, các đại biểu ai nấy đều thấy phấn chấn trong lòng, cho việc chống nạn thất học là một bổn phận thiêng liêng của mình mà cùng nhau kiên quyết đi đến đích, hợp với 2 giòng chữ kẻ ở hai tấm vải trắng giải hai bên tường chỗ hội họp chống nạn thất học là xây dựng tương lai nước nhà.

Chống nạn thất học là phận sự của thanh niên.

KHÁI SINH

Đón đọc :

QUANG-TRUNG TẬP II

của Hoà-Bằng Hoàng-thúc-Trâm

Sách dày hơn 300 trang : nhiều tài liệu quí giá như *ấn Trung-lang-tướng, biểu đòi đất, biểu cầu hôn với công chúa Mãn-Thanh, tiền đồng đời bấy giờ cùng nhiều tranh phụ bản* và nhiều chữ phê giúp ích cho các bạn muốn học thêm tập tự ; kèm thêm phụ lục Nguyễn Quang Toản tức con Quang Trung.

Quyển thứ II này mới là thời kỳ hoạt động oanh liệt của Quang Trung và là một công trình biên khảo công phu của tác giả.

Sẽ ra vào đầu tháng Août 1944

Giá 8$00

Viết thư về cho

TRỊNH-NHƯ-LUẬN

121, Chonceaulme — Hanoi

ĐẠI NAM DẬT SỰ

(Tiếp theo trang 5)

dân bây giờ không ai muốn như thế. Tuy vậy nước ta từ hồi Bắc-thuộc về Hán đến bấy giờ, hơn một nghìn năm, không ai khởi xướng một thời kỳ độc lập cho lâu bền, như Hai bà Trưng thì chỉ được ba năm lại thua về Mã Viện ; bà Triệu tuy làm cho hơn ba vạn nhà được bả giận, sau lại thua về Lục Dụng ; Lý-Bôn tuy xưng đế nước Nam, nhưng chẳng được bao lâu chết vì tay chướng Thú Loan xưng Hầu đế mà cũng mất ở trong rừng ; ngó lại người Nam ta, chưa ai dám chống nhau với Bắc-triều, từ khi có trận đánh ở Bạch-đằng, làm cho người Tàu mất vía. Nếu Ngô-Quyền được lâu bền, có lẽ cũng có cơ hội ; chẳng may mất sớm, bị em vợ cướp ngôi, các con bé yếu, sinh ra một thời-kỳ 12 sứ quân, thế thì 12 sứ-quân có phải là dẫn đường mở lối cho Đinh tiên-hoàng không ? Con sâu trăm chân, đến chết còn cứng, trong khi tranh đấu vẫn có đoàn-thể. Nói về việc tranh nhau thì 12 sứ-quân tránh chẳng khỏi lỗi ; nói về cuộc nhất thống, thì 12 sứ-quân lại là có công lớn (dịch theo *Việt Nam phong sử* của ông Nguyễn-văn-Mại).

(Còn nữa)

Ứng hóa NGUYỄN-VĂN-TỐ

MỘT ĐOẠN LỊCH SỬ NGOẠI GIAO

giữa Ta và Tàu hồi cuối thế kỷ thứ XVIII

Số 2

HOA-BẰNG

« Trái lại, vì ham tài sắc, chỉ nghe lời đàn bà (chỉ mẹ vua Chiêu Thống), Nghị (xé biểu-chương của tôi, ném xuống đất, làm nhục sứ giả, xua đuổi về. Ý hắn muốn khua dến đấy binh, tăng-vông, gây chuyện :

« Mùa đông năm ngoái (Mậu-thân, 1788), Nghị đều bát duy-động nhiều quân, kéo ra khỏi cửa ải, mượn tiếng khôi phục nhà Lê, truyền hịch đi khắp trong nước : đổ tội cho tôi ? Hắn cố ý đánh rốc đến Quảng nam, đào cây đánh rễ, để trừ mối lo sau cho Duy Kỳ.

« Tôi ở bẻo lánh tận ít chân trời, đường xá xa xôi, núi sông cách trở, chẳng hay việc đó có hắn do ý Đại Hoàng đế sai làm hay do Tôn-Sĩ-Nghị vì một người đàn bà (mẹ vua Chiêu-Thống) xui khiến, rồi mong kiêu-hãnh lập công ở biên-thùy để lòng kiếm lợi lớn ?

« Hay tin có binh mã Thượng-quốc ra khỏi cửa ải, tôi tự nghĩ : tấc lòng « sợ mạng Trời, phục nước lớn » của mình bấy nay đã bị kẻ khôn-thần (bầy tôi ở cửa ngõ một nước) ngăn trở mà cái cớ Duy Kỳ trốn bỏ nước kia lại bị che lấy không thông đạt lên được, sau này mối binh tranh bùng ra, thì tai vạ không phải là ít !

« Ngô Hồng-Chấn, viên tiểu tướng của tôi, bấy giờ đang đóng ở Lê thành. Tôi sai nhóm bởi ý kiến họ hàng Lê-vương, văn võ thần-liêu và kỳ lão cùng hào mục trong nước, thì muôn miệng một lời, ai cũng theo về với tôi...

« ... Bản tâm tôi không phải tham đất-đai và nhân-dân của nhà Lê đâu, song vì lòng dân ép buộc, tôi muốn từ chối cũng không sao được.

« Vì thế, tôi phải sai viên gia tướng là Trần Danh Bình cùng tám người sứ thần đem ba đạo hàm văn của Duy-Cần, con Lê vương, và của quần-thần cùng dân chúng đến gõ cửa tướng-doanh, khẩn-khoản nài xin Tôn-Sĩ-Nghị hãy cử đóng quân ở nơi quan-ải tra rõ nội tình trước đây đã.

« Cùng một lúc ấy, tôi lại sai thả trả bọn tuần-dương-binh Hắc-Thiệu-Tổng bốn mươi người mà Ngô-Hồng-Chấn (tướng Tây-sơn) đã bắt được. Thế là tôi vẫn chăm-chăm tỏ ý cung thuận, chứ có dám công-nhiên chống-cự đâu.

« Vậy mà Tôn-Sĩ-Nghị riêng nghe lời ton-hót đặt đề của mẹ Duy-Kỳ, xoay giết Trần-Danh-Bình, thịt bọn tuần-dương binh (1), giam cầm sứ-giả, lùa quân vượt sông Phú-lương (Nhĩ hà), thẳng tới Lê-thành (Thăng-long). Tướng-tá của tôi phải rút quân về Nam.

« Tôn-Sĩ-Nghị được thế, tàn sát dữ quá ! Hắn lại phi sức cho các quan nhà Lê lùng những tướng-sĩ của tôi ẩn nấu ở các thôn-trại để bắt đem nộp. Ngày nào hắn cũng giết đến ba, bốn chục mạng ! Chừa đồn lại có tới hơn nghìn người !

« Duy-Kỳ nhân dịp tốt ấy, tha hồ chém giết những viên-chức sắc mục (2) đã theo tôi. Rất đỗi và phanh mổ cả những đàn-bà có mang, không để sót giống lại ! Cái ngón thảm-độc ấy còn gì quá quắt hơn nữa !

« Ôi, kể ra, nhân-dân ở nơi góc biển này, ai chẳng là con đỏ của Triều-đình ? Đại Hoàng-đế là bực « Cửu quá hóa thành », há lại tra viễn-vông, hám công-lợi, trước, gây sự với ngoài biên-cương, khiến hạng dân vô-tội phải sa vào vòng tên đạn ?

« Thế mà Sĩ-Nghị không biết lựa theo đức ý bề trên, lại dí giết người như ngóe, chẳng những riêng muốn cạn tâm một mạng tôi, lại còn chực bắt giết cho kỳ tuyệt vậy cánh của tôi nữa ! Hắn rao toạc lên tờ hịch, cốt rồn người ta vào chỗ chết mới nghe :

« Ôi, cứ kể nhân, sĩ, giáp-binh ở một dải bờ biển này sánh với Trung-hoa, không được một phần muôn. Nhưng lạch sâu ở trước, cọp dữ ở sau, lòng người sợ chết, ai cũng phải cố hăng-hái lên.

« Tôi không tránh cái tiếng « nếm chuột vỡ đồ », bèn đem dăm ba tên trai-tráng trong làng trảy ra.

« Mồng năm, tháng giêng, năm nay (kỷ-dậu, 1789), tôi tiến đến Lê thành, những mong Tôn-Sĩ-Nghị nghĩ lại, họa may có thể đem ngọc lựa thay đá can qua, xoay binh xa làm hội xiêm áo ? Tôi nhũn nhặn xin yết kiến, nhưng Nghị không hề trả lời.

« Qua bữa sau, quân Sĩ-Nghị xông vào đánh trước. Vừa mới giao-phong, đã đồ vỡ, chạy tan bốn ngả, xô đẩy lẫn nhau mà chết. Thây xác đầy nội, nghẽn sông! Còn những quân chạy trốn ra các thôn-trang ngoài thành lại bị dân gian đánh giết hầu hết. Ấy vì trước đây Nghị đóng đồn ở quanh thành, hắn không biết ngăn cấm quân-gia để chúng hiếp gái, cướp chợ, làm cho nhân-dân căm giận đến tận xương-tủy!

« Ngay bữa vào thành, tôi lập-tức ngăn-cấm trong xứ: kể thấy bại-binh chạy trốn, nhân-dân không được phép giết. Bọn tàn-binh ấy được đưa đến đô-thành còn hơn 800 người tất cả. Tôi đã sai lấy lương-thực trong kho mà ban phát cho.

« Trộm nghĩ: binh-đạo vẫn là việc bất-đắc-dĩ của thánh-nhân. Đại-Hoàng-đế thân nghiêm ngự nơi cửu-trùng. Những chuyện cương-trường, Tôn-Sĩ-Nghị không hề tâu rõ từng một việc một: Hắn che lấp tai mắt Nhà-vua, đến nỗi làm cho sự thế rối ren đến thế.

« Châu-chấu đá xe, tôi thật không dám. Song, cửa vua xa-cách muôn dặm, hễ tôi nhúc-nhích làm gì liền bị kẻ khôn thần hiệp-đáp. Không sao nhịn nổi, nên binh-tích mới dường như chống cự.

« Thiết nghĩ: nước tôi từ Đinh, Lê, đến Trần trở đi, thế đại đổi thay, chẳng phải chỉ là một họ. Hễ ai có thể làm rào giậu ở phương Nam, thì Thiên-triều, lượng rộng như biển, thường vẫn làm ngơ lỗi nhỏ, lựa theo đạo Trời, chỉ cốt giữ lòng rất công-bình, rất nhân-từ mà vun sới cho cái gây dựng mọc mặc dầu có những chuyện như bọn Ô-Mã Nhi và Hoàng Ngũ-Phúc đã làm bất-lợi cho nước nhỏ này.

« Này, lòng Trời đã chán nhà Lê. Con cháu họ Lê đớn hèn, hèn yếu, không được lòng dân theo về.

« Tôn-Sĩ-Nghị vì cớ nông-nổi, không thấu suốt sự-tình và lý-do, nên mới chực vào giúp gây dựng lại cho họ Lê ấy. Hắn gây mối binh-tranh, khiến cho bọn sinh-linh phải cay đắng khôn khổ: Hắn lừa dối bề trên, tàn ngược kẻ dưới đến thế là cùng!

« Tôi đóng quân ở thành Long-biên (Thăng-long) nghển cổ ngóng trông về cửa trời... Gọi có tờ biểu tạ tội và trần-tình này nhờ quan Quảng-tây phân-tuần Tả-giang binh-bị đạo (chỉ Thang-Hùng Nghiệp) chuyển tâu bày giúp.

« Nếp nghĩ: Đại Hoàng đế là bực theo ý Trời, ban trị hóa, làm cho cành khô lại xanh tươi, cây kiệt lại nẩy nở. Xin Ngài lựa theo tự-nhiên, thứ cho tôi cái tội đón đánh Sĩ-Nghị và xét cho tôi tấm thành đã mấy phen gố cửa ải, dâng lời tâu-bầy. Xin Ngài lập kế tư-mục để chăn dân, dựng nước phên giậu để vững thế, bàn ơn mệnh mới, cho tôi làm An-nam quốc-vương, đứng làm phiên-bình một phương, kính giữ cái chức phiên-phục, khiến cho bằng-tố có người cầm đầu cai quản.

« Tôi xin kính-cẩn sai sứ-giả sang cửa cung-khuyết, xưng phiên, sửa lễ cống (3). Lại sẽ xin đem số người (tù binh) biện còn của Nhà-vua mà dâng nộp để tỏ tấc dạ rất thật này.»

Kèm theo tờ biểu trên vua Quang-Trung còn cớ bức thư gửi cho Thang-Hùng Nghiệp, cuối thư có những lời khinh-miệt và dọa-nạt « Thiên-triều »

«... Ôi, quân-tình, cốt hòa-thuận, không cốt đông; cốt tinh-nhuệ, không cốt nhiều. Ngày tính cuộc thắng-lợi là tính ở phần quân « thắng » hay « cùng », chứ kể lấy phải lấy mạnh để yếu, nhiều hiếp ít. Vì bằng tấm tình này không được bày tỏ, Thiên-triều không chịu ban chất khoan-dung, cứ muốn động binh để tranh chiến, làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì tôi cũng chỉ biết thuận theo ý Trời, nghe xem số mệnh mà thôi...»

Những lời giả dối cung thuận nhưng đầy vẻ ngạo-nghễ ấy của nhà Tây-sơn làm cho Thang Hùng Nghiệp rụng-rời kinh-hãi.

Nhất là xem hết tờ biểu tên Nghiệp tường chừng như nó có tính cố ý khiêu-khích để cuốn « con Sư-tử đang mê ngủ » (chỉ nhà Thanh) vào vòng khói đụn lần nữa.

Nghiệp nói với sứ-giả Đại Việt là Hồ bồ-hầu: « Bây giờ không phải là lúc quân hai bên đương đánh nhau, vậy sao lại thả tuyền giọng tức-giận? Muốn cầu phong trước hay muốn lại gây binh tranh mà nói những lời như thế? »

Vì, để giữ thể diện cho « Tu-ôn triều », Nghiệp phải dìm bức thư ấy, không dám để lọt đến mắt vua Càn-Long.

HAO BẰNG

(trích trong cuốn *Quang Trung* tập II sắp phát hành)

---

(1) Bọn tinh tuấn, dương này là người của nhà Thanh. Chẳng hay khi vua Quang Trung đã thả, giao trả Tôn Sĩ Nghị rồi, lại sao Nghị lại giết chết đi thế? Có lẽ vì Nghị muốn gây sự với Đại Việt, nên mới làm việc khiêu khích ấy để gieo dè cầm giữ vua Càn-Long và vua Quang-Trung chăng?

(2) Nguyên văn là « piêu mạo »

(3) Chuyến cống này có các đồ phương vật vũ 10 đặt vàng 80 đặt bạc (mỗi đặt ăn 8 lượng)

BIA VĂN MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 90

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bùi-doãn-Nguyên, hoặc Bùi Nguyên, người phường Đông-tác, huyện Thọ-xương, phủ Phụng-thiên, thành Thăng-long, nhà ở Tây mỗ huyện Từ-liêm.... Năm 32 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ, đệ nhị danh (tức bảng nhãn) khoa ất-sửu (1505 Ứng-chế hợp cách). Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị hữu. Năm 1522 vua Lê Chiêu-tông (1516-1526) bị Mạc Đăng-Dung bắt ép, vua dời ra ngoài thành, làm ảnh-điện ở xã Thượng An-quyết, ông không chịu theo Mạc, sau theo vua Chiêu-tông về Thanh hóa, trải nhiều sự gian khổ, mà lòng trung nghĩa không đổi. Đến khi vua bị Đăng Dung đánh thua, phải về dân nguồn (tức châu Lang-chánh), ông cùng đi chầu theo hầu, rồi bị bệnh mất, lúc ấy ngoài 50 tuổi, đến trung-hưng (1533-1548) phong ông làm tiết-nghĩa (*Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương Phụng-thiên, tờ 103 b-104 a). *Đăng khoa lục* (q 2, tờ 1 a) chép ông là người huyện Vĩnh-xương nhà ở làng Thiên-mỗ, làm quan đến thượng-thư.

Trần Phỉ người xã Chi-nê, huyện Chương-đức, phủ Ứng-thiên, trấn Sơn nam. Tên tự là Lương-bật. Năm 27 tuổi, đỗ đệ nhất giáp tiến-sĩ cập đệ, đệ tam danh (tức thám hoa) khoa 1505. Làm quan đến Lại-bộ hữu-thị lang, thừa-tuyên-sứ ở An bang (nay Quảng-yên). Sau theo Mạc, dần dần làm đến Binh-bộ thượng-thư, kiêm đô-ngự-sử Vĩnh dự-tử. Năm 1537 nhà Minh đem quân hỏi tội họ Mạc, Đăng-Dung sợ lắm. Năm 1540, Đăng Dung sai Trần-Phỉ đến cửa quân nhà Minh xin hàng. Tướng nhà Minh bằng lòng cho. Khi Mạc Phúc-Nguyên nối ngôi (năm 1546) cho Trần-Phỉ có công toàn nghĩa cần vương, phong Đông lai hầu, rồi thăng thiếu phó, tham dự triều-chính, phong Lại quận-công. Tuổi 70, gia chức tá lý công-thần thiếu-sư, trí sĩ. thọ 76 tuổi. Là con Trần-Khải, đỗ nhị giáp khoa 1472; cha con cùng trí sĩ; có câu đối rằng: « Luỹ đại trạc khoa thiên-hạ hữu, nhất môn trí sĩ thế-gian vô » nghĩa là đời đời đỗ đại khoa thì thiên-hạ có; một nhà cùng trí sĩ thì thế-gian không. Là cháu ngoại Nguyễn-bá-Kỳ, đỗ nhị giáp khoa 1448; tổ năm đời của Trần-Phỉ, đỗ tam giáp khoa 1634 (*Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 49 a-b; *Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 1 b; *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục*, q. 27, tờ 16 b, 17 a).

Khoa ất-sửu (1505), 16 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân, tức bảng-giáp, kê tên sau này:

1 — **Nguyễn tiêu-Tượng**, người xã Lạc-thổ, huyện Siêu loại, phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Theo Mạc, làm quan đến Lại-bộ tả thị lang, vào hầu tòa Kinh-diên, trí sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, q. Kinh bắc, tờ 104 a; *Đăng khoa lục*, q 2, tờ 1 b).

2 — **Nguyễn doãn-Nguyên** (chép theo *Đăng khoa lục*, sách in, q. 2, tờ 1 b; của *Đăng khoa bị khảo*, sách viết, q Sơn-tây, tờ 30 a, chép là Nguyễn-doãn-Văn), người xã Lai-xá, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Năm 33 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Trong năm canh-ngọ 1510, đang làm chức đề-hình giám-sát ngự-sử, phụng mệnh sung chức phó-sứ sang nhà Minh cầu phong cho vua Lê Tương-Dực (1509-1516).

TỦ SÁCH NGÀY MỚI

ĐẠI HỌC THƯ XÃ trình bày:

Đã phát hành: **VĂN-HỌC và TRIẾT-LUẬN**

bà Mộng-Sơn viết qua thực-trạng của xã-hội Việt-Nam tác-giả phê-bình và nghiên-cứu về phụ-nữ tiểu-thuyết, thi-ca, kịch-bản, giáo-dục, lịch-sử, điển-văn, Văn-phạm, triết-học, kinh-tế, trong tác-phẩm của những nhà văn: Vũ trọng Phụng, Lan Khai, Anh thơ, hồ Dzếnh, Đặn Phương, C.K. Sơn, P.V. huỳ, Lê, Du, hoàng ngọc Phách, Trần trọng Kim, Phạm Quỳnh Khiêm, Bùi Kỷ, Đoàn phú Tứ, Nguyễn lương Ngọc, Nguyễn xuân Sanh, Phạm văn hạnh, huy Cận Ngô tất Tố. *Giá 2$50*

SẮP XUẤT BẢN:

KHỔNG GIÁO VỚI ÔNG ĐÀO DUY ANH *nghiên-cứu của Nguyễn uyên Diễm*

VĂN CHƯƠNG VÀ XÃ-HỘI *nghiên-cứu của Lương đức Thiệp*

VIẾT VÀ SỐNG *của Nguyễn xuân Huy.*

CÒN MỘT ÍT:

MẸ TÔI *gia đình tiểu thuyết của Nguyễn khắc Mẫn Giá 3$80*

ĐẠI-HỌC THƯ-XÃ

181 Henri d'Orléans Hanoi Giám Đốc: LÊ MỘNG CẦU

3. — **Đào-phùng-Thái**, người xã Lương-xá, huyện Thiên-tài (Lang-tài), phủ Thuận-an, trấn Kinh-bắc. Năm 26 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thánh-đoán-sự (*Đăng khoa lục*, q.2, tờ 1 b). *Đăng khoa bị khảo* q. Kinh-bắc, tờ 123a) chép « văn đình đối đáng trạng-nguyên, đến khi yết kiến, vua Lê Uy-Mục hiềm người bé nhỏ, cho đỗ nhị giáp tiến-sĩ ».

4. — **Nguyễn-doãn-Thăng**, người xã Hoa-thiều, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, trấn Kinh-bắc. Có tiếng thần-đồng. Năm 23 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chánh-sứ. Là con Nguyễn-doãn-Tu, đỗ nhị giáp khoa 1484 (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 1 b; *Đăng khoa bị khảo* q. Kinh-bắc, tờ 32 b).

5. — **Phạm-bỉnh-Tuyền**, người xã Tứ-kỳ, huyện Tứ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 1 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Hải-dương, tờ 44 a).

6 — **Trần-thời-Vũ**, người xã Phú-thứ, huyện Duy-tân (Duy-tiên), phủ Lý-nhân, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến thừa-chánh-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 2, tờ 2 b; *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam tờ 76 b).

7. — **Lưu-Ngoan** (chép theo *Đăng khoa lục* q. 2, tờ 2 a; còn *Đăng khoa bị khảo*, q. Sơn-nam, tờ 57 b, chép là Lưu Hằng; chữ Hằng với chữ Ngoan chỉ khác nhau có một nét chấm), người xã Tu lễ, huyện Sơn-minh phủ Ứng thiên, trấn Sơn-nam. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Làm quan đến Đông các.

8. — **Trương-phu-Thuyết**, người xã Kim-đâu, huyện Thanh-miện, phủ Hạ hồng, tỉnh Hải-dương. Năm 30 tuổi đỗ nhị giáp khoa 1505. Năm qui-dậu 1513 hiệu Hồng-thuận, làm quan đến Lễ-khoa cấp-sự-trung, phụng mệnh sung phó sứ sang nhà Minh tạ về việc sắc phong vua Lê Tương-Dực. Trong đời Thống-nguyên (1522-1527) làm quan đến Lại-bộ thượng-thư. Lúc bấy giờ Mạc Đăng Dung tiếm nghịch, ép vua Lê Chiêu-tông về Thanh-hoa. *Đăng khoa bị khảo* (q. Hải-dương, tờ 52 a b) chép rằng: «Họ Lê chỉ còn một sợi tóc: bầy tôi nhà Lê theo Mạc rất nhiều. Một mình ông Trương-phu-Thuyết không chịu khuất, không vì thịnh suy mà đổi tiết. Đăng-Dung với ông, sai làm tờ chiếu truyền ngôi, ông chợt mắt mắng lại. Đăng-Dung biết không thể lay nổi chí khí ông, bèn sai bọn Nguyễn-văn-Thái và Hoàng-văn Tân làm tờ chiếu truyền ngôi, rồi giả ông làm Công-bộ hữu-thị lang, ra làm thừa-tuyên-sứ An-bang (Quảng-yên). Ông không chịu nhận chức, bỏ quan về nhà. Đến đời trung-hưng (1533-1548) phong ông làm tiết nghĩa. Như ông thực không xấu-hổ là người trong khoa-mục, không phụ với ơn-lộc của triều-đình, không hổ với tổ tông ở chín suối. Đương khi triều Lê suy-vi mà ông không tham quan tiếc ngôi, không sợ chết, đáng là bậc trung-thần nghĩa sĩ đời xưa... » *Khâm-định Việt sử* q. 27, tờ 15 a) chép tháng chạp ta năm 1526 « Đăng-Dung sai người trong đảng là Phạm-kim Bang giả vua Chiêu-tông ở phường Đông-hà (thuộc huyện Thọ-xương, Hà nội), rồi thác là về quê ở làng Cổ trai (Hải-dương) để dưỡng nhàn... Đến tháng 6 ta năm 1527 Đăng Dung từ Cổ trai vào kinh bắt ép Hoàng-đế Xuân truyền ngôi. Lúc ấy trăm quan bài bạc vừa xong, chưa có tờ triều truyền ngôi. Đăng-Dung sai Lại bộ thượng-thư là Trương phu Thuyết thảo tờ chiếu. Phu Thuyết chợt mắt mắng rằng: « Thế là nghĩa gì? »

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

HAY ĐỌC

HÁT DẶM NGHỆ TĨNH

Khảo-cứu của **NGUYỄN ĐỔNG CHI** — tác giả « Việt Nam cổ văn học sử »
Một lối văn rất xưa chưa dễ ai biết! Một lối văn chỉ sản xuất riêng trong một vùng! Các bạn sẽ thấy có nhiều cái lạ mình không ngờ. Nghệ Tĩnh quả là một vùng khác lạ nhất trong nước Việt Nam chúng ta.

Sách dày 350 trang *Giá 8$00*

Sách đã bán tại TÂN VIỆT — 29 Lamblot — Hanoi

TIỂU-THUYẾT LỊCH SỬ

An Tư

« Khiến nhân tổng An-Tư công-chúa vu Thoát-Hoan, dục thư quốc nan dã. »
(Đại Việt sử-ký toàn thư)

Kính tặng hương hồn mẫu thân

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Số 6

Tuy còn trẻ, nhưng so vai-vế thì vương ngang hàng với Tĩ ánh-Tôn thượng-hoàng, với Tĩnh-quốc, Chiêu-minh, Chiêu-quốc. Chiêu-văn-vương, với Quốc-công Hưng-đạo, và đúng vào hàng chú vua Thiệu-Bảo. Thánh Tôn thương chú mất sớm nên không bỏ lỡ một dịp nào, ban ân lộc cho em. Mỗi khi chàng đến kinh, Thượng-hoàng giữ chàng mãi mới cho về, khoản đãi rất hậu. Anh em chị em trong tôn thất đối với chàng cũng rất là luyến ái.

Cuộc tình duyên giữa chàng cùng An-Tư mới bắt đầu được ngót một năm nay, và mỗi ngày một thêm đằm thắm. Họ đã yêu nhau với tất cả bồng bột của thanh niên, với tất cả sức mạnh của dục vọng được hoàn toàn buông lỏng. Sự thân mật giữa anh em chị em trong họ, sự dễ dãi của một phong tục tự do, thoát hẳn ra ngoài luân-lý đạo Khổng, không-khí êm-đềm, nhàn-hạ, phong lưu trong cung, tất cả những điều kiện ấy đã giúp cho cuộc tình duyên nầy nở. Hoặc cùng nhau hội yến, dan tay nhảy múa, hay ngồi đánh bài trong cung, nghe hát hoặc cùng vương hầu công chúa phóng ngựa dạo chơi hoàng thành, hay đua thuyền lướt mát trên hồ Tây, đôi mắt lửa chỉ tìm đôi mắt nhung, bóng ngang tàng chỉ hòa theo bóng liễu.

Vương thỉnh thoảng mới đến kinh, về những dịp kỵ lạp, hay những ngày lễ Vạn thọ, một năm chỉ độ ba bốn lần, sự xa cách càng thêm nung nấu tình yêu đôi lứa, kích thích bởi nhớ mong. Mỗi khi đến Thăng long, chàng không bỏ lỡ một dịp nào không lẻn vào cung riêng tình tự với người chị con nhà bác ruột.

Ở cung An-Tư ra, Chiêu-thành vương ngây ngất như một người say rượu, hồn chàng phiêu nhiên bay bổng trên mấy từng mây. Mắt chàng mơ màng, những màu hồng vui như nhảy đón trước mặt chàng. Cánh tay chàng còn đượm sức nóng của thân ngọc-nà, tai còn nghe tiếng sáo của lời nàng, mũi chàng còn phảng phất hương vị ngây ngất của xác thịt, toàn thể người chàng bao bọc một lần phấn ái tình êm dịu. Chàng không nhìn thấy gì, ngoài hình ảnh vinh quang hiện trong khung ảnh, rực rỡ của xóm đào, chàng không nghe thấy gì ngoài khúc nhạc tưng bừng của tình ái. An-Tư hiện trước mặt chàng, trong trắng kiều lệ, Chàng tự hào hơn chúng bạn vì được một giai nhân tuyệt thế ấy để lọt mắt xanh. Dù phải phơi thân ngoài nơi chiến địa, chàng có tiếc gì.

Trong phút say sưa, chàng tưởng như nàng 3 trước mặt giơ tay, để vuốt ve làn tóc đen dài. Một tiếng gọi, kéo chàng từ chín từng mây xuống thực-tế. Chàng giật mình e thẹn, vì đã qua cửa Dương-minh, và một người lính trong đội Củng-thần hỏi:

— Hoàng thúc làm gì đấy?

Cờ quạt dàn bày, kiếm kích ngời sáng. Gã tình nhân ngây thơ đã biến mất và Trần-Thông hiện nguyên hình chiến sĩ giữa một quang cảnh sặc mùi chinh chiến. Chàng còn đương hoang mang, thì thấy trong cửa Dương-minh đi ra một người vào trạc 27, 28 tuổi, chít khăn vàng, mặc áo bào vàng chẽn, đeo kiếm dài, mặt trái xoan, điểm những đường vằn tía, trông hao hao nét mặt. Không phu-tử, thần khí quang thái, dáng trông uy nghiêm tôn kính, nhưng dạo mạo, rất nhân từ. Ấy là vua Thiệu-Bảo.

Thấy Chiêu-thành vương, vua tươi cười. Chàng bước lại, phủ phục xuống bên đường, hô vạn tuế. Vua tiến lại, nâng dậy, cất lời rất sang phản:

— Xin hoàng thúc bình thân.

Vua ép chàng cùng đi song hàng và nói tiếp:

— Trẫm muốn nhờ Hoàng-thúc một việc không ngờ lại gặp Hoàng thúc ở đây, may lắm. Hoàng thúc không cần lên Bắc-vội.

— Hạ thần xin chờ lệnh thánh.

— Hoàng thúc chắc chưa biết rõ. Quân ta thua to quá, Chi-lăng

đã mất, Thoát-Hoan trường khu đánh uống thế như chẻ tre, quân sĩ lại hung ác giết hại nhân dân rất nhiều. Quốc-công kéo hai binh về Vạn-kiếp, quân tướng tan vỡ. Trẫm lấy làm lo lắm. Này trẫm muốn đến Vạn-kiếp, lỗi chuyện quốc công, nhưng không muốn bày vẽ nghi trượng trẫm tính đi một chiếc thuyền con nhanh và tiện hơn, muốn mong Hoàng thúc cùng đi...

— Hạ thần xin tuân thánh chỉ!

Vương lúc ấy rất thẹn với mình. Chàng cảm thấy như mình mang một tội lớn với nhà vua, với xã tắc, với cả gia đình. Trong các vương hầu, chàng là người ra trận sau hơn cả, trùng trình mãi mà đến khi cất quân đi còn đam bề son phấn. Vương coi chính như mình đã mang một trách nhiệm lớn trong sự thất lợi của quan quân. Vì thế, vương ngượng nghịu, tuy vua Triệu Bảo tỏ ôn tồn không nói gì và cũng không biết gì về chuyện đêm qua. Vua vui vẻ và thân mật bảo chàng:

— Vậy ba chú cháu ta cùng đi ngay.

— Tâu Quan gia! Hạ thần xin tuân lệnh, chỉ xin Quan gia cho hạ thần báo tin trước cho quân bản-bộ kẻo họ nóng ruột vì họ đang sốt sắng ra trận.

— Hoàng thúc thực là chu đáo. Vậy hoàng thúc về ngay đây nhé, trẫm cũng còn phải lâm mệnh Thượng-hoàng.

Vương mượn một con ngựa phóng ra ngoài thành Long-phượng. Xa xa cánh đồng đã hiện rõ lá cờ « Tinh-cương ». Chàng tạm lại; Trần Quỹ và đoàn gia tướng ra đón; hai nghìn tráng sĩ thấy nhà về ai nấy đều hớn hở bảo nhau sửa soạn lên đường. Họ bị « giam cầm » mãi, nay mới được ra trận người nào cũng mong chóng được lên Bắc, giao chiến cùng vua Miên để tỏ chí bình sinh và báo ơn chủ tướng.

Trần Quỹ trạc 50 tuổi, tóc hơi râu thưa, trông tráng kiện, có vẻ hiền lành cẩn thận. Vương cùng Trần-Quỹ và cả gia tướng đi thăm đội ngũ, thấy ngăn nắp tề chỉnh, quay lại khen Trần-Quỹ và bảo mọi người.

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỜNG

Giới thiệu

Kinh dịch của Ngô tất Tố (quyển thứ nhất) giá 10$ — Mua Lĩnh Xuất bản. Xin cảm ơn.

Hộp thư

Ô. Phan huy Chuyên. Yên Thế Vụ, Xin cứ gửi tới hoàn nghênh Tòa soạn

MUỐN CON HIỀN, CHÁU THẢO TRONG NHÀ THÀI CÓ SÁCH

TÂN HIẾU-KINH

(có nguyên-văn chữ Hán)

Giá: 1$20

ĐÃ CÓ BÁN

Du-Thuyết yếu-thuật	3$80
Lịch-sử Báo Chí	2$00
Nghệ-thuật và dân giáo	2$50
Phụ-nữ Việt-Nam	2$50
Khổng-Tử học-thuyết I	4$50
Việt Hoa thông-sử tân lược	5$00

QUỐC-HỌC

THƯ-XÃ HÀNỘI XUẤT-BẢN

Thư-xã Alexandre de Rhodes

Mới xuất bản hai cuốn

TRUYỆN RỪNG XANH

Phạm xuân-Đã phỏng thuật

Theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện rất lý thú, có nhiều tranh ảnh dày 180 trang khổ 17x23

LỤC SỨC TRANH CÔNG

bản dịch Phá vỡ của Hoàng hữu Xứng và A. de R

Bình phẩm cuốn này, Cố Cadière đã nói: « Kim Vân Kiều và Chinh-phụ ngâm, thì Lục sức tranh công còn tự nhiên, phổ thông và có vẻ « an nhàn » nhiều hơn lắm... » 350 trang khổ 17x23 bìa 5 mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh

Mỗi cuốn bản thường 4$00 cước 0$50
bản giấy Bợi tốt 2$00 cước 0$10

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

25 Juillet có bán

VĂN MINH SỬ

Trong bộ « Nhân Loại tiến hóa sử »
của
NGUYỄN BẠCH KHOA

— Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại.
— Dò tìm cơ-cấu thành hình của các yếu tố văn minh như kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật
— Khám phá mối quan hệ giữa văn minh đông phương và văn minh tây phương.

Tủ sách « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH
71 Tien tsin Hanoi

Mới xuất bản

TRUNG-QUỐC SỬ LƯỢC
của **PHAN KHOANG**

Một bộ sách kê-cứu rõ-ràng về văn-minh Đông-Á. Cái văn-minh ấy trong khoảng ba bốn nghìn năm nay đã chi-phối cuộc sống tinh thần và vật-chất của mấy trăm triệu con người ở Á-Đông này.

Thật là một bộ sách rất qui của bất thảy mọi người muốn biết cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ ở Á-Đông.

Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại :
Loại thường bán 6$90 cước 0$47
Loại đặc-biệt 15$00 cước 6$80
Thư và ngân phiếu xin gửi về cho :
Nhà in MAI-LĨNH Hanoi

do **QUẢNG VẠN THÀNH** phát hành

đã có bán :

LÒNG VÀNG

Ed de Amicis đại văn hào nước Ý soạn
Hải-Học dịch

Một quyển giáo-khoa đào luyện tinh thần ái quốc. Các giáo-sư, các phụ huynh và các học sinh đều nên đọc để rõ biết cách giáo-dục bằng tình cảm, và rèn luyện tâm tư trí-khí cho trẻ em.

Giá 4$00

Ở xa, xin gửi thêm 0p.60 cước bảo đảm.

đang in :

ĐỜI ĐOÀN THỂ

Hải-Tùng soạn

Một thiên « THỜI BỆNH LUẬN » rất đáng nên đọc

Giá 2$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 15 Juillet 1944, xin trừ 20 %, cước phí không phải chịu.
Vị nào muốn biết nội-dung sách, xin cho biết địa-chỉ.

Thư từ tiền nong xin đề :
ô. Nguyễn văn Minh
Hiệu Quảng vạn Thành — Hanoi, 16 phố Lê Lợi
Haiphong, 51 — Doumer — Haidương Kinh môn phố Yên lưu

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur gérant : Nguyễn-Trường Phượng Imp. Tri-Tân 97—99 Chanceaulme, Hano